

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Hải Hà**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN  
QUỐC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Hải Hà**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Bùi Thị Hải Hà

Mã sinh viên: 1512401006

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC;
  - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập;
  - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - ✓ **Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2018 tại Công ty Cổ phần Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc.**

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- ✓ **Công ty Cổ phần Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc.**

.....

.....

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày      tháng      năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày      tháng      năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

*Bùi Thị Hải Hà*

*ThS. Trần Thị Thúy Hồng*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2019*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: **Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng**  
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh  
Họ và tên sinh viên: **Bùi Thị Hải Hà- QT1903K; Chuyên ngành: KT - KT**  
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu (DT), chi phí (CF) và xác định kết quả kinh doanh (XĐKQKD) tại Công ty CP Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc*

**Nội dung hướng dẫn:**

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD trong doanh nghiệp theo TT200/2014/TT-BTC và thực tế công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- ✓ Có cố gắng sưu tầm lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài;
- ✓ Đã hoàn thành đúng tiến độ qui định;

**2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- ✓ Đã khái quát hóa được lý luận về công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD trong doanh nghiệp theo TT200/2014/TT-BTC;
- ✓ Phản ánh được qui trình kế toán DT, CF và XĐKQKD tại đơn vị thực tập với số liệu logic, phong phú;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD nói riêng.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2019.*

**Giảng viên hướng dẫn**

*Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng*

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC.....	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	2
1.1.2.1. Doanh thu.....	2
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu. ....	3
1.1.2.3. Chi phí và phân loại chi phí. ....	4
1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	5
1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	5
1.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC. ....	6
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp.....	6
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.....	6
1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng.....	6
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....	8
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán .....	9
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:.....	9
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	10
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	11
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán .....	12
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	14
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	14
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp: .....	15
1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	18

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	18
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	18
1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	20
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	20
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	20
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán .....	20
1.2.6. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	22
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....	22
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng.....	22
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán .....	23
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC. ....	25
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	25
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái.....	26
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	26
1.3.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:.....	28
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
<b>CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC.....</b>	
	30
2.1. Giới thiệu về Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.....	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc. ....	30
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc. ....	31
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc. ....	31
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc. ....	33
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP viễn thông điện tử Kiến Quốc.....	33
2.2.1.1 Chứng từ sử dụng. ....	33
2.2.1.2 Sổ sách sử dụng. ....	34
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng: .....	34
2.2.1.4 Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty.....	34



2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc .....	43
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng. ....	43
2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc. .	48
2.2.3.1 Chứng từ kế toán .....	48
2.2.3.2 Sổ sách sử dụng .....	48
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng .....	48
2.2.3.4 Quy trình hạch toán. ....	48
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc. ....	54
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng .....	54
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng .....	54
2.2.4.3 Trình tự hạch toán .....	54
2.2.3.4 Quy trình hạch toán. ....	54
2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc. ....	68
2.2.5.1 Chứng từ sử dụng .....	68
2.2.5.2 Sổ sách sử dụng .....	68
2.2.5.3 Tài khoản sử dụng .....	68
2.2.5.4 Quy trình hạch toán .....	68
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC.....</b>	<b>78</b>
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc. ....	78
3.1.1 Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc .....	78
3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc.....	79
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc.....	79
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	80
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần viễn thông Kiến Quốc.....	80

3.4.1. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng. ....	80
3.4.2. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.....	84
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần viễn thông Kiên Quốc. .....	86
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	86
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	86
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	87

## LỜI NÓI ĐẦU

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Điện tử Viễn Thông Kiến Quốc, em đã cố gắng tìm hiểu thực tế để nâng cao kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thực tế về công tác kế toán. Qua đó em nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn về công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Xuất phát từ thực tế đó em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc”*** làm đề tài khóa luận. Thông qua đây, em hy vọng sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu đề tài gồm 3 chương:

*Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC*

*Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc.*

*Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện Tử Viễn Thông Kiến Quốc.*

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn 1 số thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC.**

### **1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### ***1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

#### ***1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

##### ***1.1.2.1. Doanh thu***

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba (Ví dụ: Nhận làm đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng) không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

❖ **Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:**

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

*1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.*

+ Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã

ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

#### *1.1.2.3. Chi phí và phân loại chi phí.*

Chi phí: là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ *Giá vốn hàng bán*: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ *Chi phí bán hàng*: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* là: những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

+ *Chi phí hoạt động tài chính*: Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

+ *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là : khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

#### *1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.*

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

+ *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

+ *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

+ *Lãi sau thuế*: Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\text{Lãi sau thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

#### *1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

## **1.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.**

### ***1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp***

#### *1.2.1.1 Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất khi bán hàng, phiếu nhập kho bán hàng bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm chi;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

#### *1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng*

##### **❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Kết cấu của tài khoản 511:*

##### **✚ Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.



- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**✚ Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

**✚ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ**

**✚ Tài khoản 511 có 6 TK cấp 2:**

- TK5111-Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5112-Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5112-Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK5117-Doanh thu bất động sản đầu tư.
- TK5118-Doanh thu khác.

**❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

*Kết cấu của tài khoản 521:*

**✚ Bên Nợ:**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

**✚ Bên Có:**

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

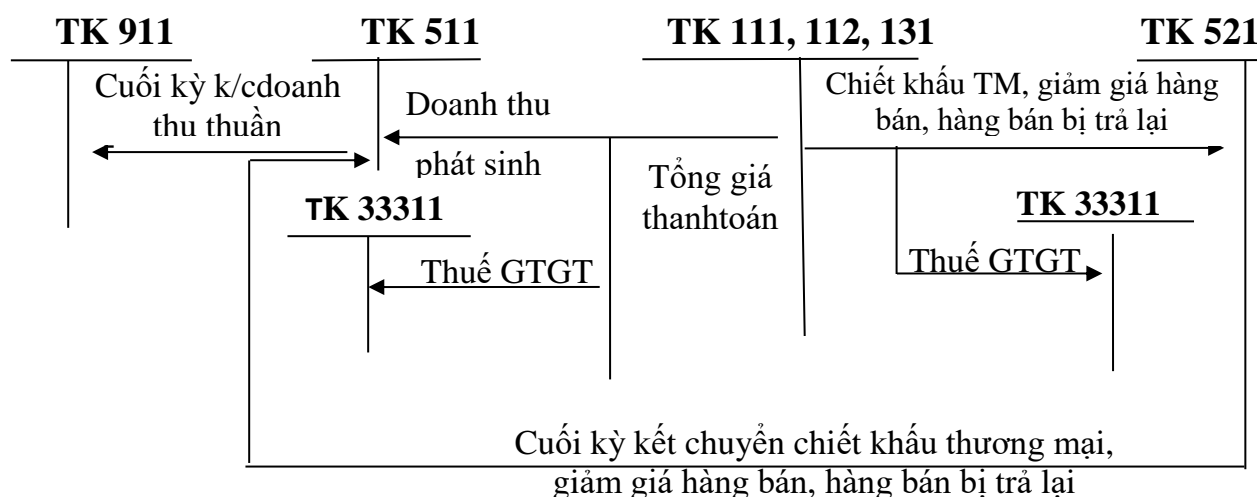
✚ Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

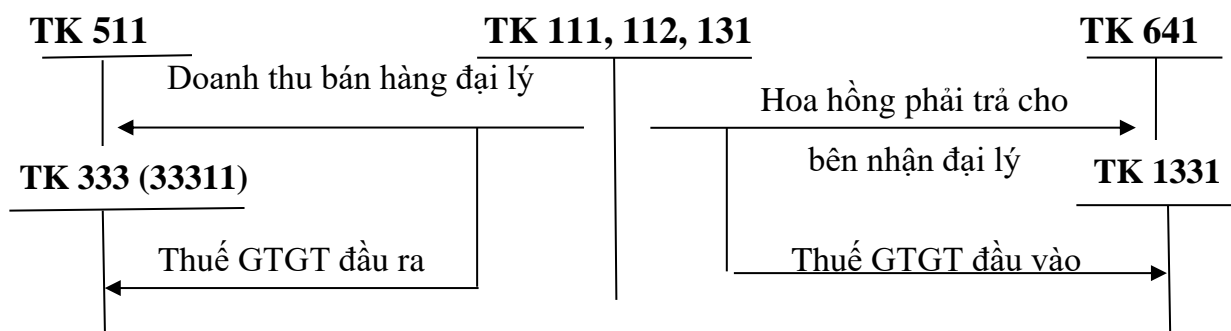
Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

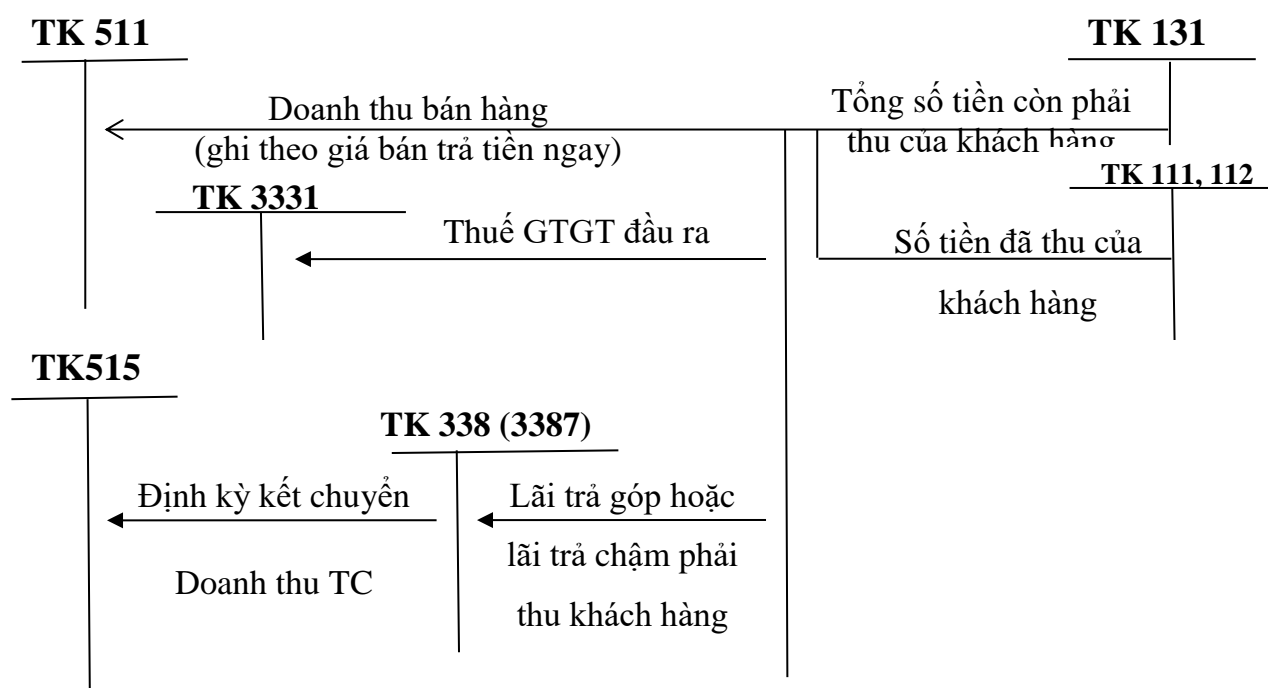
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức ký gửi đại lý



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp**

### 1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

#### 1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

##### a, Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Áp dụng dựa trên giá định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

##### b, Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

### c, Phương pháp giá thực tế đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

### d, Phương pháp giá bán lẻ

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

#### 1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.3. *Tài khoản sử dụng*

❖ **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

***Kết cấu của TK 632 đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:***

✚ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

**Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

***Kết cấu của TK 632 đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:***

✚ **Bên Nợ:**

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào Bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào Bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

✚ **Bên Nợ:**

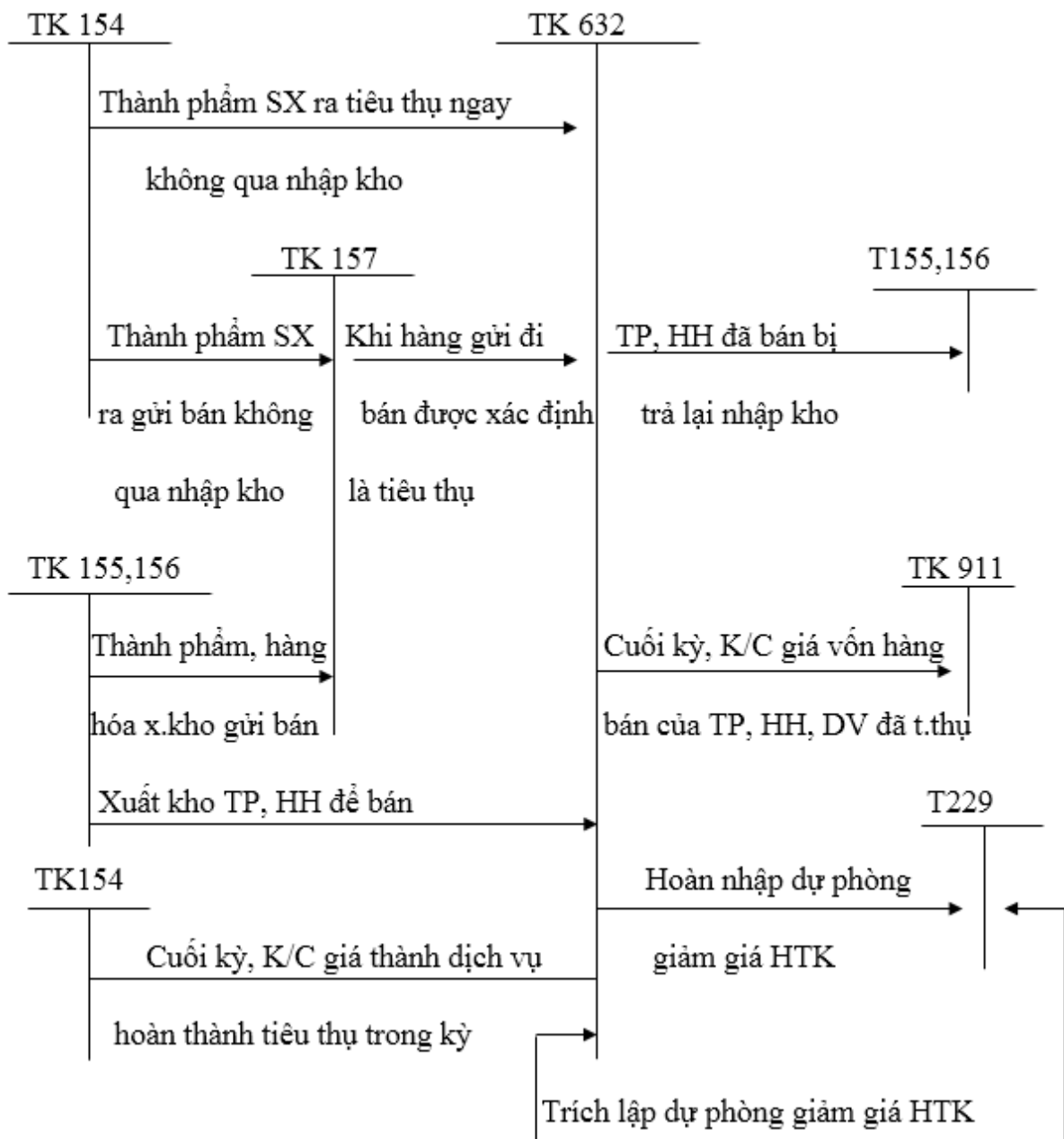
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

✚ **Bên Có:**

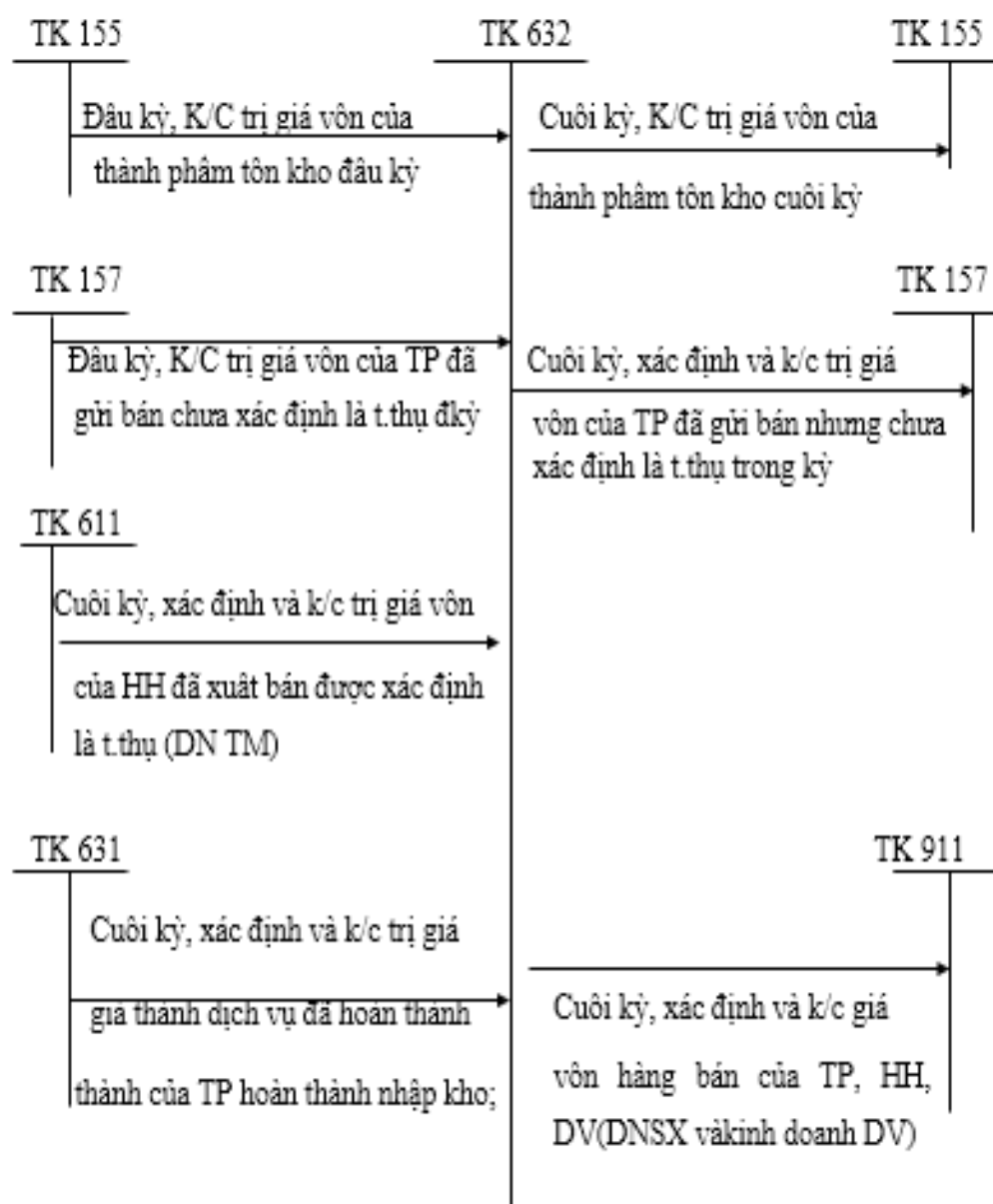
- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”.
- Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

**Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.**

1.2.2.4. *Phương pháp hạch toán*



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

### 1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

##### ❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Bảng phân bổ tiền lương;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Phiếu chi, UNC, Giấy báo nợ
- + Hóa đơn GTGT; chứng từ khác có liên quan

##### ❖ Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK 641- Chi phí bán hàng



Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp.

✓ *Kết cấu TK 641:*

**Bên Nợ:**

Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình mua bán và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**Bên Có:**

Các khoản giảm chi phí bán hàng.

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

**TK 641 không có số dư cuối kỳ.**

✓ *TK 641 có 7 tài khoản cấp 2:*

- + Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên.
- + Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì.
- + Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dung.
- + Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành.
- + Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác.

*1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:*

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Bảng phân bổ NVL – CC, DC;
- + Phiếu chi, UNC, Giấy báo nợ
- + Hóa đơn GTGT; chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ *TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công tác quản lý chung của toàn trong doanh nghiệp.

✓ *Kết cấu TK 642:*

**Bên Nợ:**

Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;

Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

**Bên Có:**

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

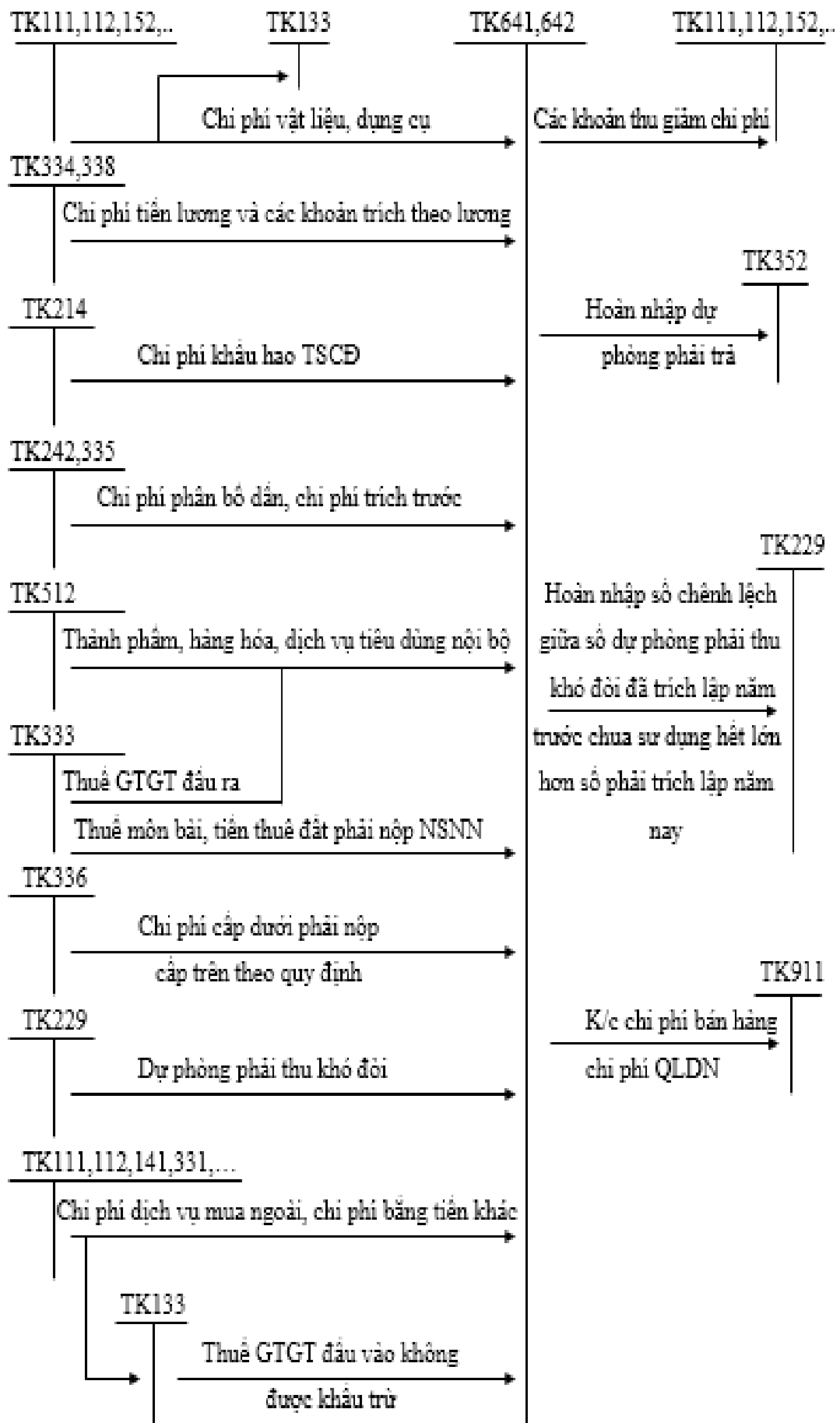
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.**

✓ *TK 642 có 8 tài khoản cấp 2:*

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426 – Chi phí dự phòng.
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428 – Chi phí tiền khác.

❖ *Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN*



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

### 1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

#### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

##### ❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu của TK 515:

##### ✚ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911

##### ✚ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

**Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ**

##### ❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu của TK 635:

##### ✚ Bên Nợ:

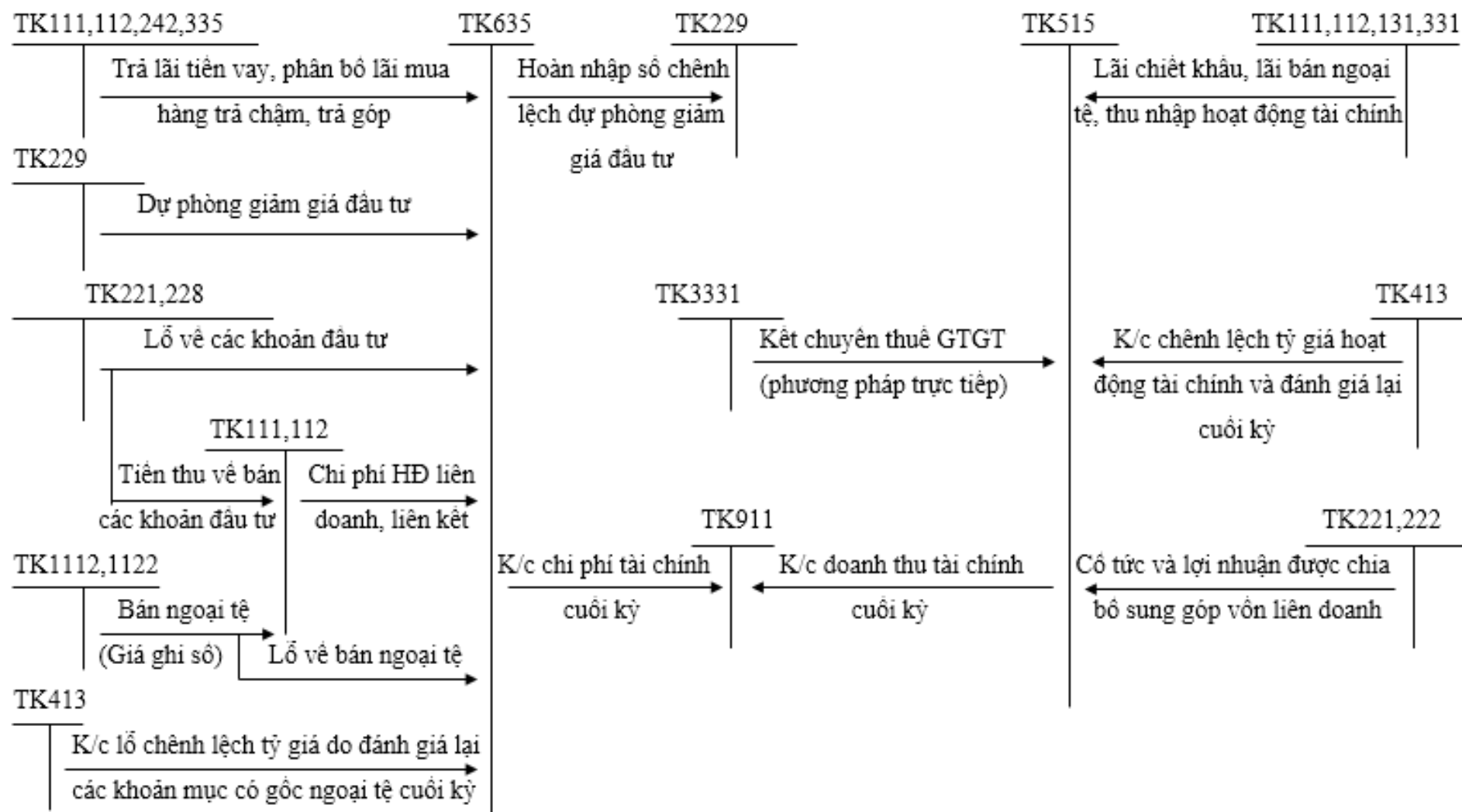
- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh, dự phòng giảm giá đầu tư.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

##### ✚ Bên Có:

- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ**

#### 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

### 1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

#### 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

##### ❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

*Kết cấu của TK 711:*

##### ✚ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

##### ✚ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

**Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**

##### ❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

*Kết cấu của TK 811:*

##### ✚ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí phát sinh

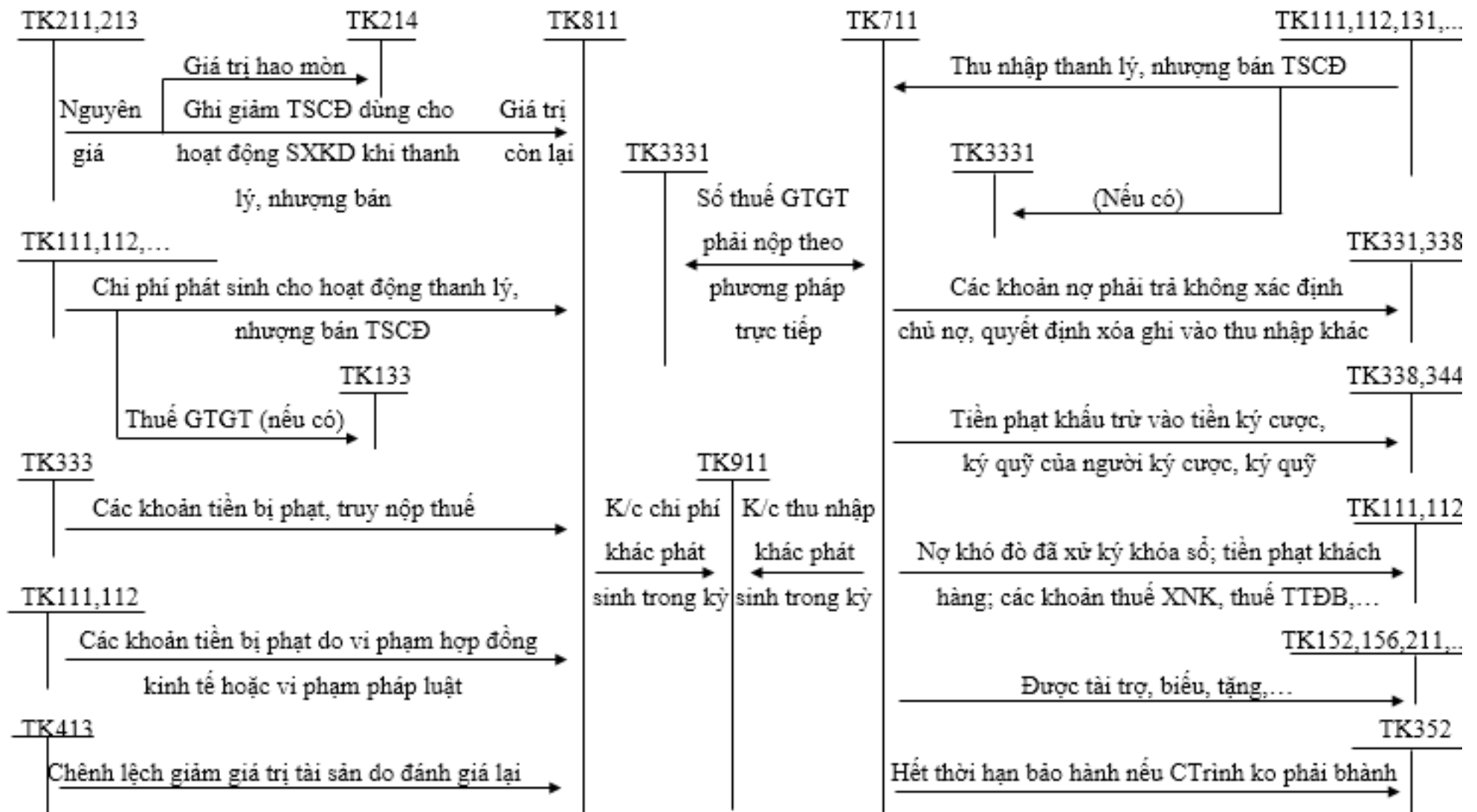
##### ✚ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ**

#### 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.8:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

### **1.2.6. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

#### **1.2.6.2 Tài khoản sử dụng**

##### **❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kế toán hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

*Kết cấu của TK 911:*

##### **+ Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

##### **+ Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm giá chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

**Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ**

##### **❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

*Kết cấu của TK 821:*

##### **+ Bên Nợ:**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

##### **+ Bên Có:**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.



**Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.**

❖ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

*Kết cấu của TK 421:*

**+ Bên Nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

**+ Bên Có:**

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

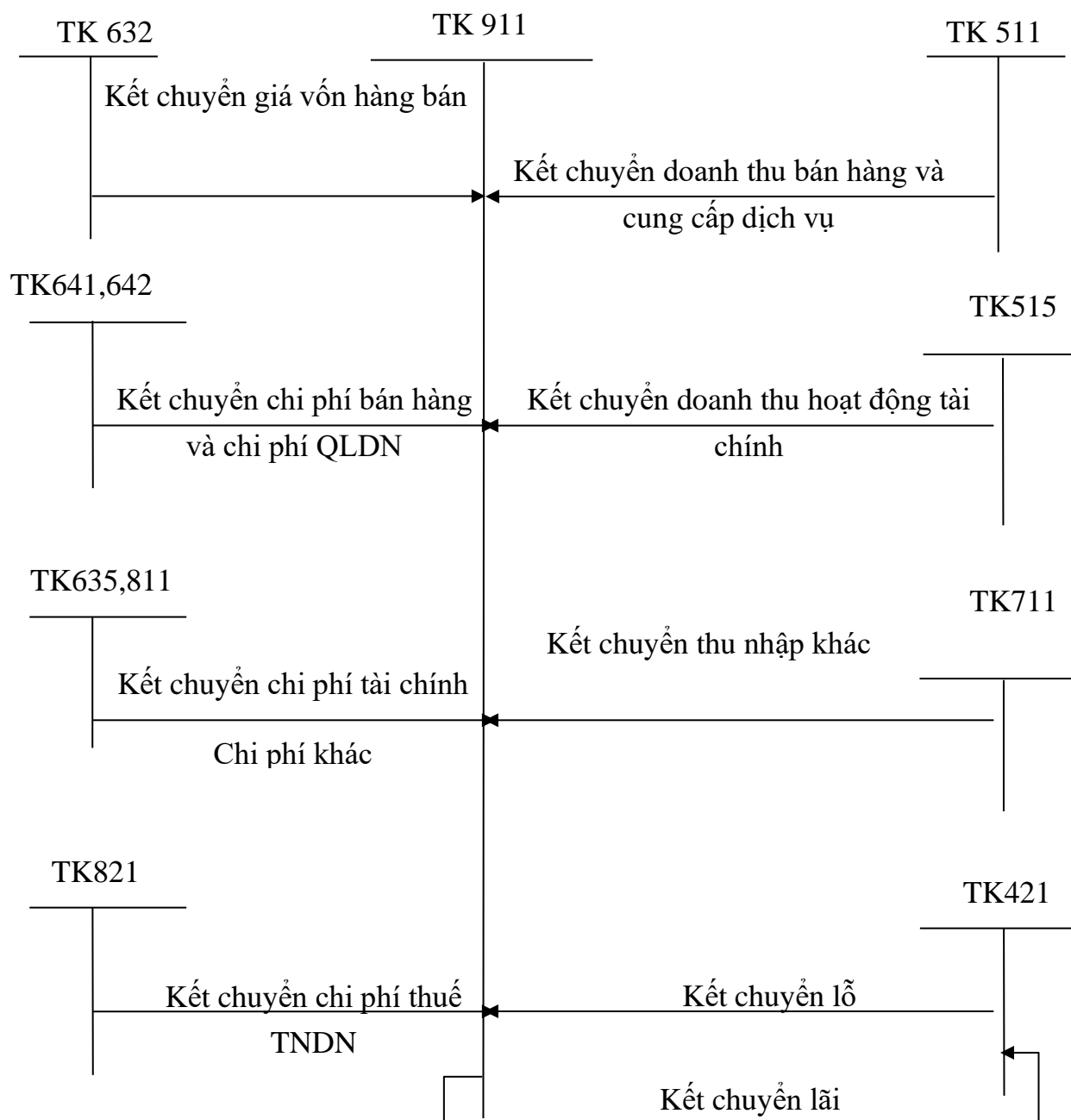
**Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:**

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

*1.2.6.3. Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.9:

❖ *Phương pháp hạch toán*



**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

### 1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

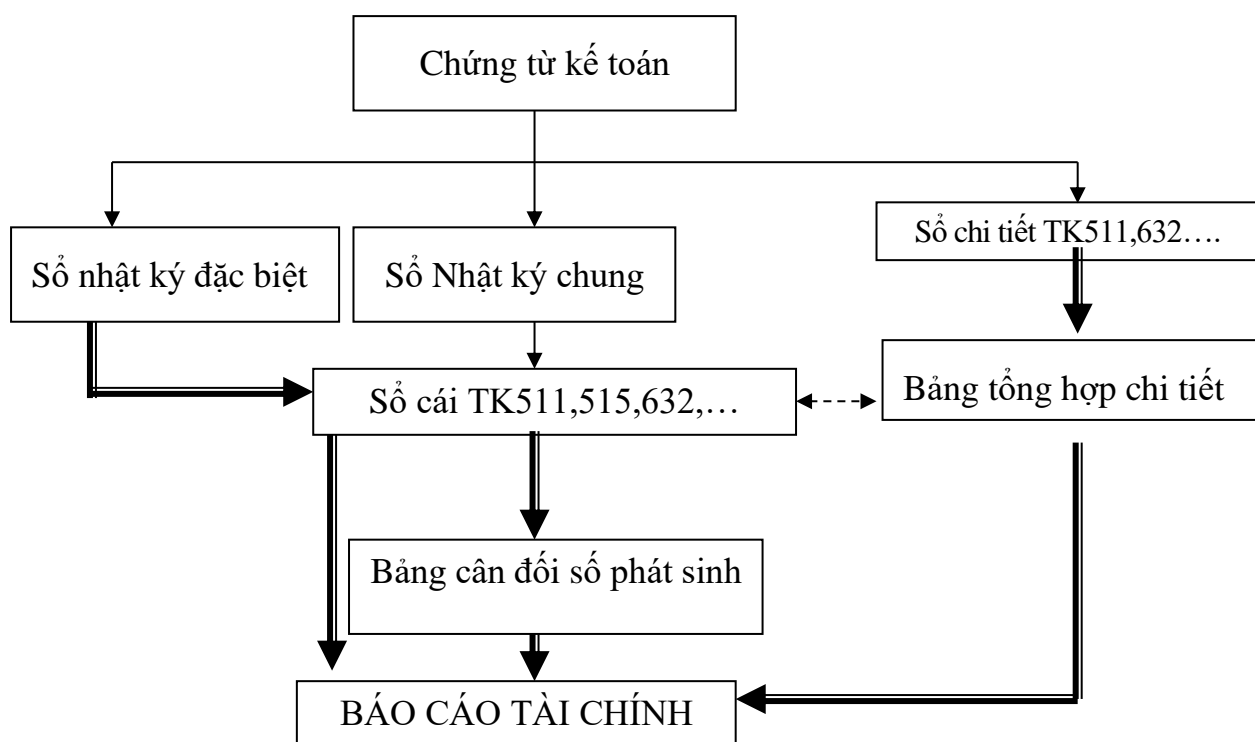
#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- > Đối chiếu

**Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.**

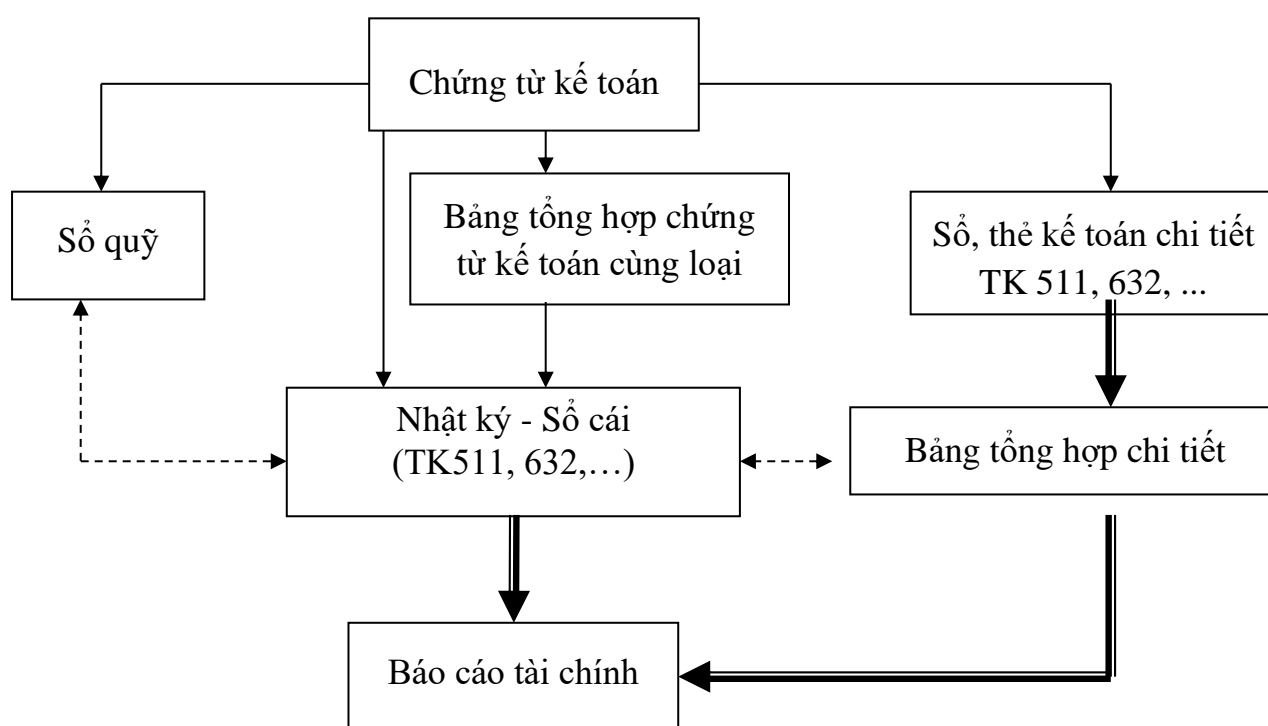
### 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký sổ cái.

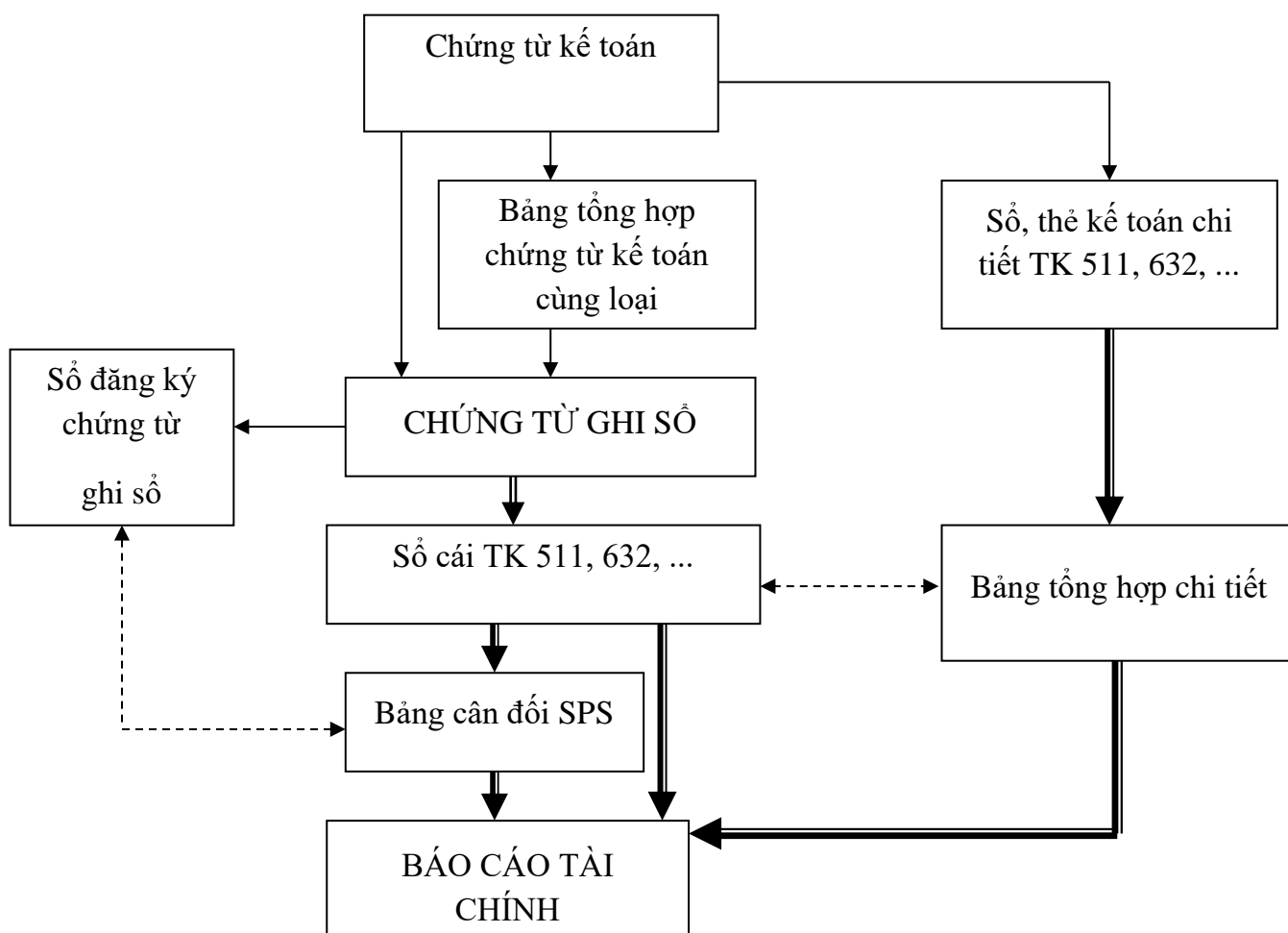
### 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

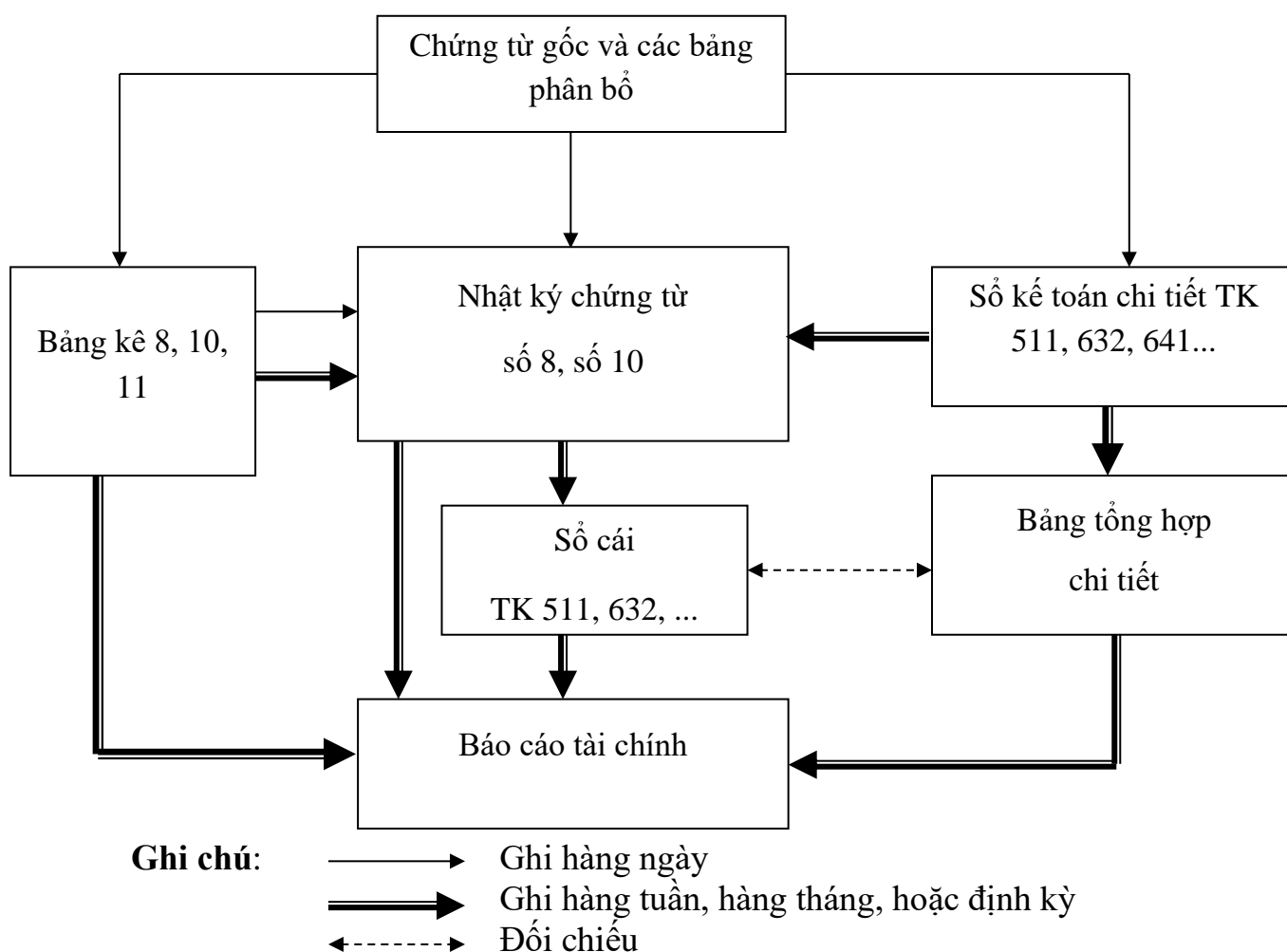
❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- > Đối chiếu

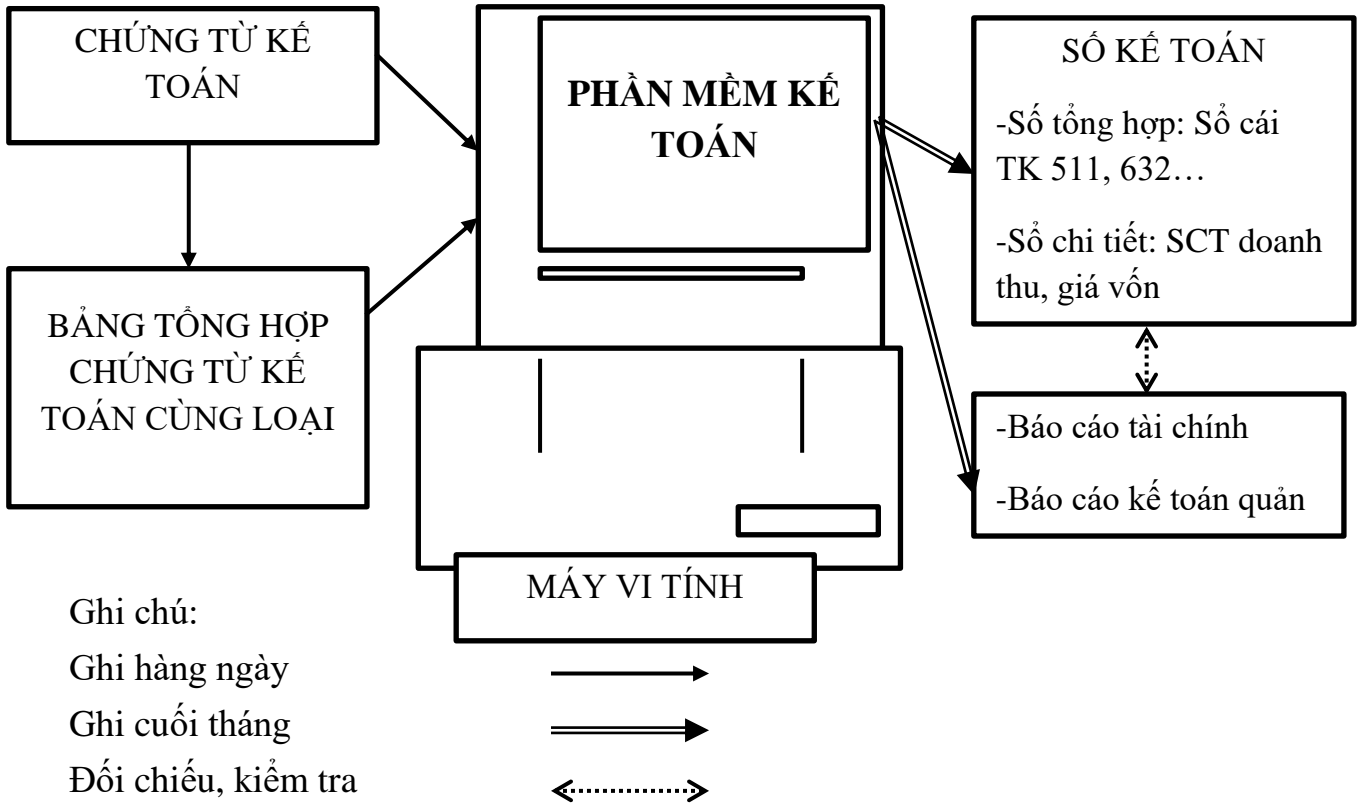
Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**1.3.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:**

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

**1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:** Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có loại sổ của hình thức kế toán đó.
- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

**CHƯƠNG 2 :**  
**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC.**

**2.1. Giới thiệu về Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200657850 ngày 22 tháng 12 năm 2011 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Một số thông tin cơ bản về công ty :

Tên gọi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC

Địa chỉ: Khu trung cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày thành lập: 22/12/2011

MST: 0200657850

Công ty Cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của Nhà nước.

Đi vào hoạt động được hơn 7 năm, cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế đất nước, sự hòa nhập trong công cuộc đổi mới, công ty đã không ngừng phát triển đi lên cùng sự phát triển của đất nước và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đồng thời luôn mang lại lợi ích cho người lao động. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, trang thiết bị máy móc hiện đại hơn đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

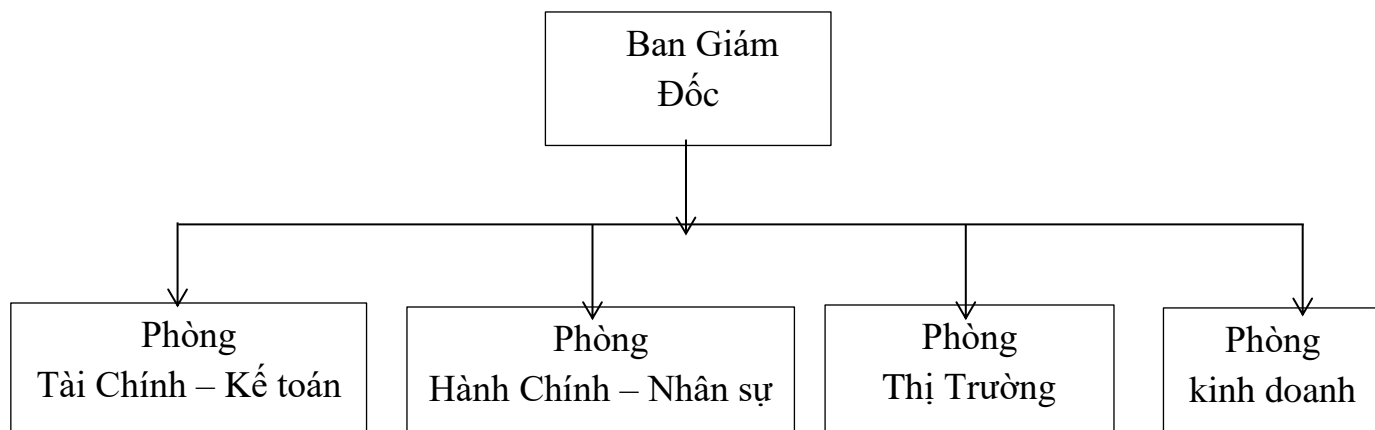
- Ngành nghề kinh doanh
  - Xây dựng, lắp đặt các thiết bị viễn thông
  - Hoạt động in ấn, buôn bán các thiết bị phụ trợ
  - Vận tải đường bộ trong và ngoài tỉnh



## 2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.

### 2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.

Bộ máy có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Với mỗi ngành nghề kinh doanh khác nhau, quy mô thị trường kinh doanh khác nhau. Để thực hiện cho công tác quản lý thuận lợi, công ty đã tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến, các phòng ban đều chịu sự quản lý, giám sát của giám đốc.



**Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

- Chức năng của từng phòng ban

➤ **Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

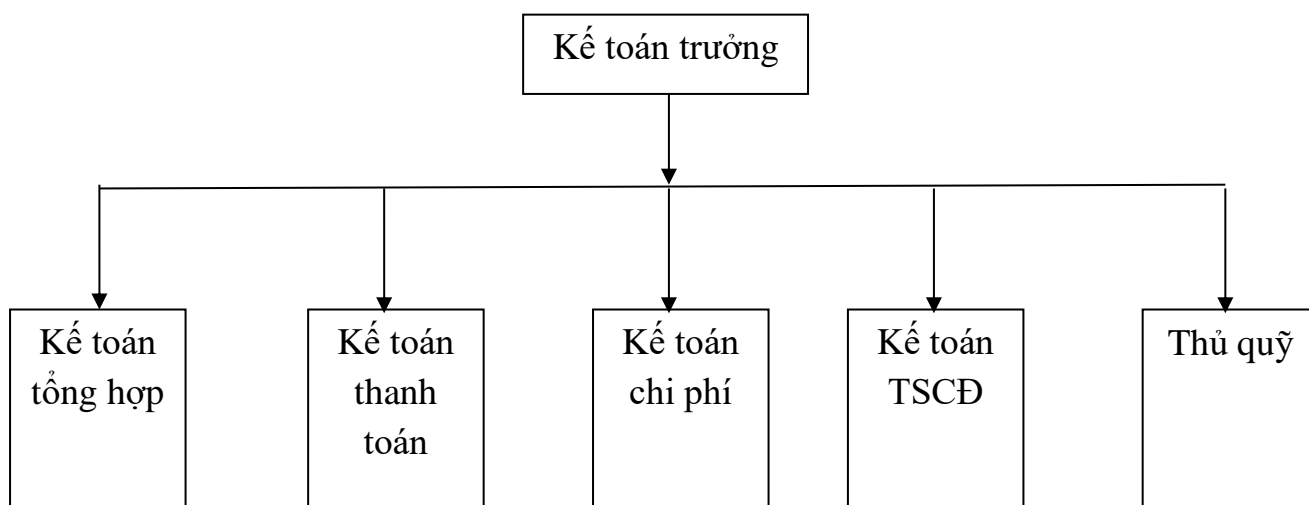
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

➤ **Phòng Hành chính – Nhân sự:** Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự.

➤ **Phòng Thị trường:** Chịu trách nhiệm về phần hình ảnh của công ty, điều tra, phân tích, đánh giá và tìm hướng mở rộng thị trường.

➤ **Phòng kỹ thuật :** Quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng. Công tác quản lý vật tư, thiết bị. Công tác quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại công ty, công tác soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản mẫu mã mới, kiểm định chất lượng sản phẩm. Phối hợp với các phòng ban, trực tiếp quản lý các ca trưởng và nhân viên trong xưởng, dưới sự chỉ đạo của giám đốc.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty CP điện tử viễn thông Kiên Quốc.



**Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán Công ty CP điện tử viễn thông Kiên Quốc.**

+ **Kế toán trưởng :** chịu trách nhiệm trước cấp trên và giám đốc về mọi mặt hoạt động kinh tế của công ty, có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác kế toán ở đơn vị. Đồng thời cũng có nhiệm vụ quan trọng việc thiết kế phương án tự chủ tài chính, đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của

công ty như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí, tăng lợi nhuận của công ty

+ **Kế toán tổng hợp** : là người ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và tập hợp chi phí, tính giá thành, xác định kết quả lãi lỗ của quá trình kinh doanh đồng thời vào sổ cái lên bảng thống kê tài sản. Ngoài ra còn phải theo dõi tình hình công nợ phải thanh toán với các ban hàng

+ **Kế toán thanh toán** : chịu trách nhiệm theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán công nợ với ngân sách nhà nước, với các thành phần kinh tế, các cá nhân cũng như trong nội bộ công ty. Đồng thời thanh toán tiền lương cho công nhân theo chế độ quy định

+ **Kế toán chi phí** : thực hiện công việc tập hợp chi phí

+ **Thủ quỹ** : chịu trách nhiệm về công việc có liên quan đến quỹ tiết kiệm, tín dụng thu hồi vốn từ các khoản nợ và cũng là người quản lý giám sát lượng tiền của công ty

+ **Kế toán TSCĐ** : theo dõi sự biến động của TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng.

**Chính sách và phương pháp kế toán :**

- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam

- Áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

- Giá trị thực tế của vật liệu xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp nhập trước - xuất trước.

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

**2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP viễn thông điện tử Kiến Quốc.

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT đầu ra

- Hợp đồng mua bán, hợp đồng kinh tế..

- Phiếu thu, giấy báo có của Ngân hàng....

#### 2.2.1.2 Sổ sách sử dụng.

- Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản chi tiết 511,111,112....

#### 2.2.1.3 Tài khoản sử dụng:

TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 333 : Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà Nước

TK 111: Tiền mặt

TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

TK 131 : Phải thu khách hàng

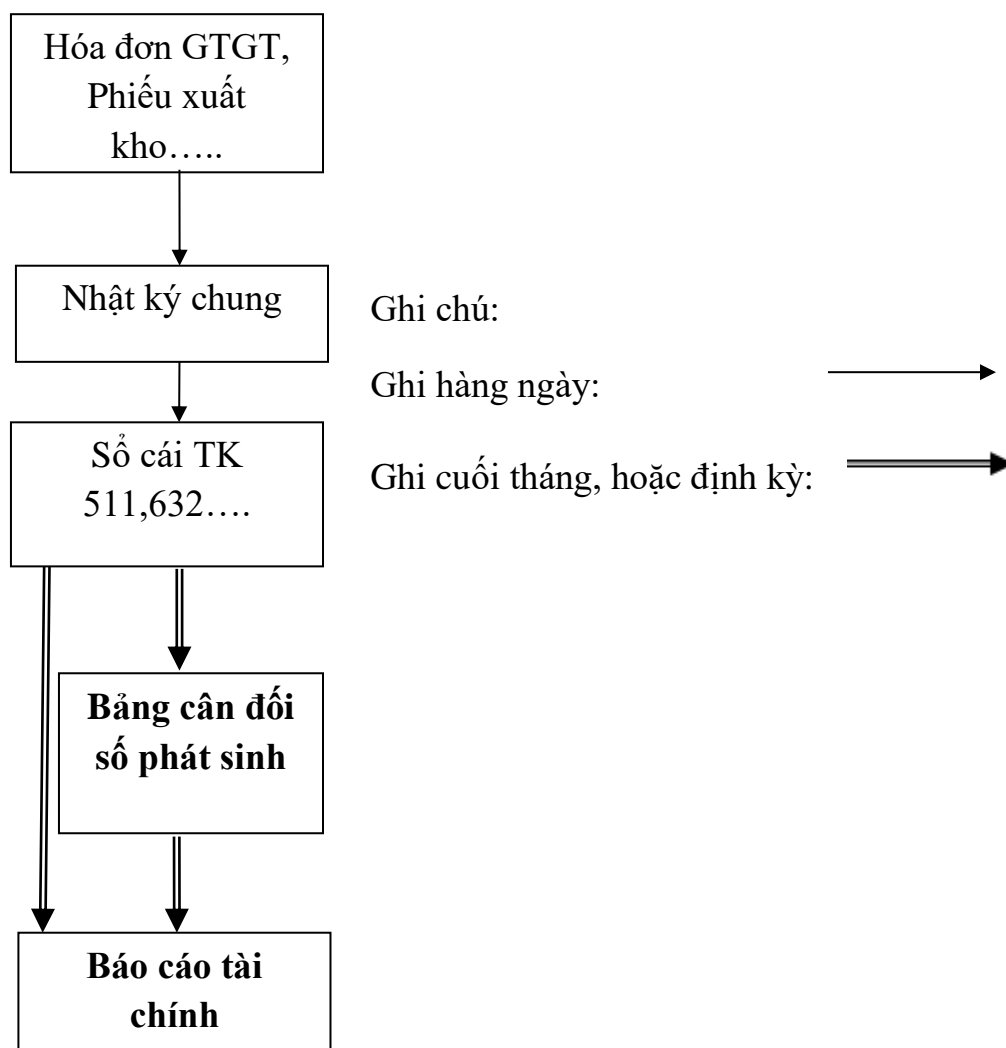
#### 2.2.1.4 Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty.

##### **Quy trình hạch toán :**

Hàng ngày, kế toán thu thập chứng từ kế toán sau đó kiểm tra và lấy căn cứ để ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái vào các tài khoản.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính



**Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

**Ví dụ 1:** Ngày 09/12/2018 bán giấy in cho công ty Cổ phần xây dựng số 5 Hải Phòng thanh toán bằng tiền mặt tổng số tiền thanh toán là 17.503.200


Kế toán định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 111 : 17.503.200

Có TK 511 : 15.912.000

Có TK 3331: 1.591.200

**Biểu 2.1** : Hóa đơn GTGT số 000051

	<p><b>HÓA ĐƠN</b></p> <p><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b></p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p>Ngày 05 tháng 12 năm 2018</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/18P</p> <p>Số: <b>0000511</b></p>			
<p>Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC</b></p> <p>Mã số thuế: 0200657850</p> <p>Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng</p> <p>Điện thoại: 0313.559076 – 0313.978177 Fax:0313.559076</p> <p>Số tài khoản: 63855499 NH ACB Quán Toan, HP-14021393580089 Techcombank- VC-HP</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: .....</p> <p>Tên đơn vị: <b>CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5 HẢI PHÒNG</b></p> <p>Mã số thuế: 0200154575</p> <p>Địa chỉ: Số 1190 Trần Nhân Tông – Kiến An – Hải Phòng</p> <p>Hình thức thanh toán: TM . Số tài khoản:.....</p>					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Giấy offset	Hộp	100	159.120	15.912.000
<b>Cộng tiền hàng</b>					15.912.000
<b>Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:</b>					1.591.200
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					17.503.200
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Mười bảy triệu năm linh ba nghìn hai trăm đồng ./.					
<p><b>Người mua hàng</b></p> <p>(Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b></p> <p>(Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b></p> <p>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	

**Biểu số 2.2** : Phiếu thu 0000480 ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc* )

<p><b>Đơn vị:</b> Công ty Cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc                  Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng                  Phòng</p>	<p><b>Mẫu số: 01 - TT</b>                  (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</p>			
<p><b>PHIẾU THU</b>  <i>Ngày 05 tháng 12 năm 2018.</i></p>				
<p>Họ và tên người nộp tiền: ..... Công ty cổ phần xây dựng số 5 Hải Phòng                  Địa chỉ: ..... :Số 1190 Trần Nhân Tông, Kiến An, Hải Phòng.                  Lý do nộp: ...Trả tiền hàng theo HĐ 0000511.....                  Số tiền: .....17.503.200 đ.....                  (Viết bằng chữ): Mười bảy triệu năm trăm linh ba nghìn hai trăm đồng/.....                  Kèm theo: .....HĐ0000511...</p>				
<p><i>Ngày 05 tháng 12 năm 2018</i></p>				
<p><b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)</p>
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... Mười bảy triệu năm trăm linh ba nghìn hai trăm đồng...</p>				
<p>+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....</p>				
<p>+ Số tiền quy đổi:</p>				

**Ví dụ 2:** Ngày 14/12/2018, công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh mua 11.691 kg giấy in theo HĐ0000551 giá bán 14.139 đ/kg ( chưa thuế VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Định khoản :

Nợ TK 1121 : 181.828.954 đ

Có TK 5111 : 165.299.049 đ

Có TK 3331 : 16.529.905 đ

Căn cứ vào HĐ số 0000551 ( **biểu số 2.3** ), Giấy báo có 000465 ( **biểu số 2.4** ). Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung ( **biểu số 2.5** ), sổ cái TK 511 ( **biểu số 2.6** ).

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, cáo cáo tài chính



**Biểu 2.3.** Hóa đơn GTGT số 0000551

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/18P

Liên 3: Nội bộ

Số: **0000551**

Ngày 14 tháng 12 năm 2018

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC**

Mã số thuế: 0200657850

Địa chỉ: Khu trung cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.559076 – 0313.978177 Fax:0313.559076

Số tài khoản: 63855499 NH ACB Quán Toan, HP-14021393580089 Techcombank- VC-HP

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: **CÔNG TY CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh**

Mã số thuế: 0105853728

Địa chỉ: Số 8 Đường Khương Đình, P Thượng Đình, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK . Số tài khoản:.....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Giấy in cỡ lớn	Kg	11.691	14.139	165.299.049
<b>Cộng tiền hàng</b>					165.299.049
<b>Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:</b>					16.529.905
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					181.828.954
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Một trăm tám mươi một triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn chín trăm năm mươi tư					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.4:** Giấy báo có 000485 ( *Nguồn : Phòng kế toán Công ty cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc*)

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam	
<b>Giấy Báo Có</b>	
Ngày 14/12/2018	
<b>CN Hải Phòng</b>	
Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC	
Mã số thuế : 0200657850	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau “	
Số tài khoản ghi CÓ : 0561100379009	
Số tiền bằng số : 181.828.954 đồng	
Số tiền bằng chữ : Một trăm tám mươi một triệu tám trăm hai mươi tám nghìn chín trăm năm mươi tư đồng/	
Nội dung : Công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh thanh toán tiền hàng	
<b>Đơn vị trả tiền Payer</b>	
<b>Kế toán Accountant</b>	<b>Ngày hạch toán Accounting date 14/12/2018</b>
holder	<b>Chủ tài khoản A/C</b>
	<b>Giao dịch viên Teller</b>
	<b>Kiểm soát viên Supervisor</b>

**Biểu số 2.5 : Nhật ký chung**

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc  
Địa chỉ: Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An ,HP  
BTC

**Mẫu số:S03a-DNN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-  
BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><u>SD ĐK</u></b>				
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD0511</b>	<b>05/12</b>	<b>Bán giấy offet</b>	<b>1111</b>	<b>5111</b>	<b>17.503.200</b>	<b>15.912.000</b>
<b>PT480</b>				<b>3331</b>		<b>1.591.200</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>GBC</b>	<b>12/12</b>	<b>Công ty cổ phần Hữu Dụng</b>	<b>1121</b>	<b>131</b>	<b>102.250.000</b>	<b>102.250.000</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD0551</b>	<b>14/12</b>	<b>Bán giấy in cỡ lớn</b>	<b>1121</b>	<b>5111</b>	<b>181.828.954</b>	<b>165.299.049</b>
				<b>3331</b>		<b>16.529.905</b>
GBC105	10/12	Cty TM và DV Lê Nguyễn thanh toán CK	112	131	77.014.888	77.014.888
PT484	27/12	Cty TNHH An Minh thanh toán bằng TM	111	131	8.584.141	8.584.141
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b><u>156.251.464.832</u></b>	<b><u>156.251.464.832</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.6 : Sổ cái TK 511**

Đơn vị: Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc  
Địa chỉ: Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DN**  
(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Năm 2018**

**Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
	....	....	.....	....	....	.....
05/12	HD0511	05/12	Bán 100 cuộn giấy offset	1111		15.912.000
10/12	HD0528	10/12	Bán 600 chiếc kẹp file cho công ty TNHH Phần mềm Cộng đồng	131		6.569.200
...	...	...	.....	...	...	....
14/12	HD0551	14/12	Bán 11691 kg giấy in cỡ lớn	1121		165.299.049
18/12	HD552	18/12	Bán 150 hộp hạt mạng AMP	1111		20.850.000
..	...	..	...	..	...	...
31/12	PKT198	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	911	15.878.744.624	
			Cộng số phát sinh			
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>15.878.744.624</u>	<u>15.878.744.624</u>
			<u>Cộng lũy kế từ đầu năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## 2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.

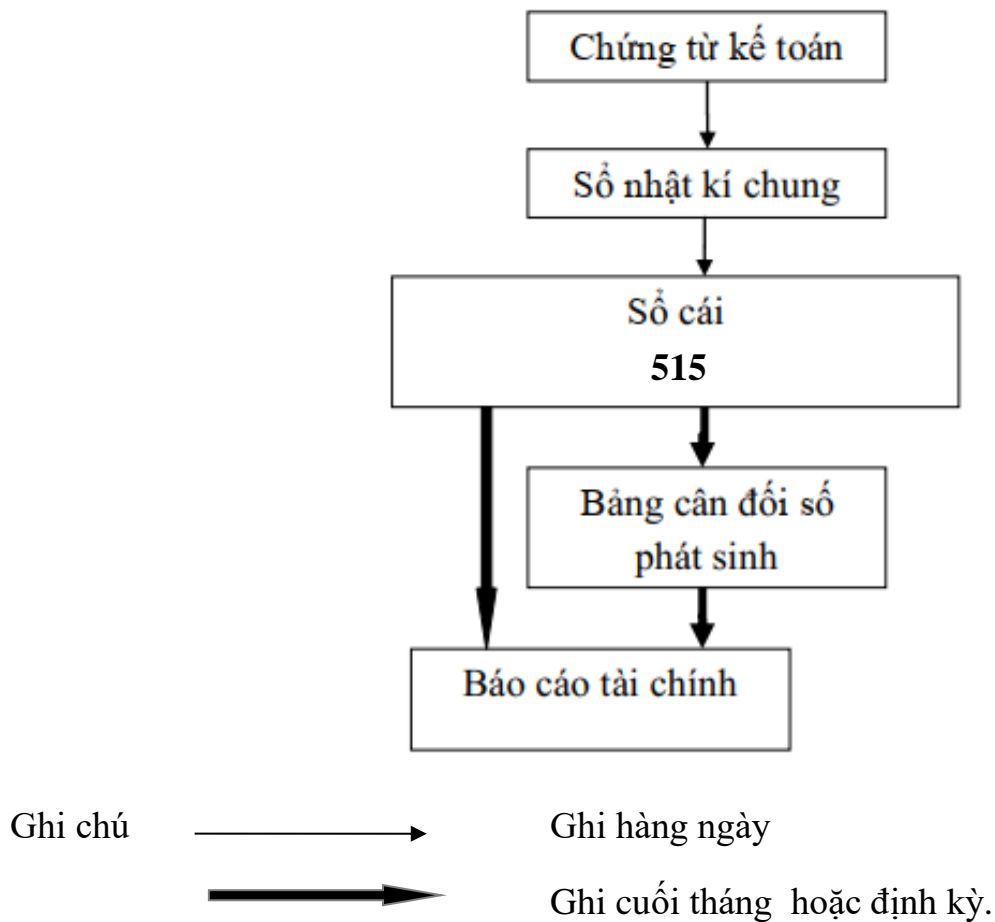
### 2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, bản sao kê ngân hàng....
- Các chứng từ khác có liên quan....

### 2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.2.2.3 Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 2.4 : Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.

**Ví dụ 3** : Ngày 25/12/2018, Công ty nhận được giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng Vietin bank , số tiền là 48.778 đồng bằng chuyển khoản.

Định khoản :

Nợ TK 112 : 48.778 đ

Có TK 515 : 48.778 đ

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng Vietinbank .Kế toán ghi sổ nhật ký chung sau đó vào sổ cái.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.7** : Giấy báo có 00135

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam			
<b>Giấy Báo Có</b>			
Ngày 25/12/2018			
<b>CN Hải Phòng</b>			
<b>Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC</b>			
<b>Mã số thuế : 0200657850</b>			
<b>Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau “</b>			
<b>Số tài khoản ghi CÓ : 0561100379009</b>			
<b>Số tiền bằng số : 48.778 đồng</b>			
<b>Số tiền bằng chữ : Bốn mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng/</b>			
<b>Nội dung : Công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh thanh toán tiền hàng</b>			
<b>Đơn vị trả tiền Payer</b> <b>Kế toán Accountant</b> holder	<b>Chủ tài khoản A/C</b>	<b>Ngày hạch toán Accounting date 25/12/2018</b>	
		<b>Giao dịch viên Teller</b>	<b>Kiểm soát viên Supervisor</b>

**Biểu số 2.8** : Nhật ký chung ( *Nguồn* : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc  
Địa chỉ: Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, HP

**Mẫu số: S03a-DNN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><u>SD ĐK</u></b>				
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
GBC112	20/12	Phí chuyển khoản	642	1121	28.441	28.441
<b>GBC485</b>	<b>25/12</b>	<b>Tiền lãi của ngân hàng</b>	<b>1121</b>	<b>515</b>	<b>48.778</b>	<b>48.778</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
GBC501	28/12	Rút tiền về nhập quỹ tiền mặt	1111	1121	100.000.000	100.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b><u>156.251.464.832</u></b>	<b><u>156.251.464.832</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.9 : Sổ cái tài khoản 131**

Đơn vị: Công ty CP Điện tử viễn thông Kiên

**Mẫu số S03b – DN**

Quốc

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC

Địa chỉ: Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, HP

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			Số phát sinh trong kỳ			
	....	....	.....	....	....	.....
25/05	GBC164	25/05	Tiền lãi của ngân hàng tháng 5	1121		35.687
25/06	GBC187	25/06	Tiền lãi của ngân hàng tháng 6	1121		35.842
	...	...	...	..	....	..
25/11	GBC203	25/11	Tiền lãi của ngân hàng tháng 11	1121		39.741
<b>25/12</b>	<b>GBC221</b>	<b>25/12</b>	<b>Tiền lãi của ngân hàng tháng 12</b>	<b>1121</b>		<b>48.778</b>
31/12	PKT135	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	16.758.148	
			Cộng số phát sinh		16.758.148	16.758.148
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			
			<b>Cộng lũy kể từ đầu năm</b>		<b>16.758.148</b>	<b>16.758.148</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

### 2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.

Giá vốn hàng bán tại Công ty là trị giá của các vật liệu, công cụ dụng cụ, nhân công và chi phí khác liên quan khác bằng tiền mua vào để gia công chế tạo thiết bị theo đơn đặt hàng trong kỳ.

#### 2.2.3.1 Chứng từ kế toán

- Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho...
- Phiếu chi,GBN....

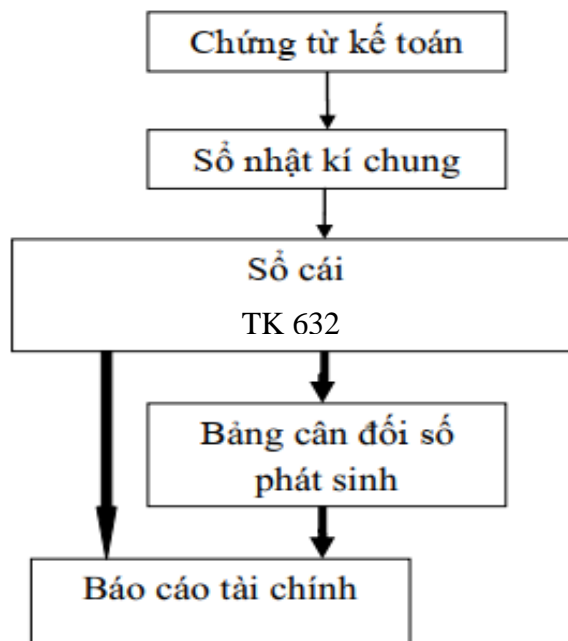
#### 2.2.3.2 Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632 , Phiếu kế toán....

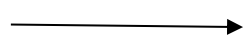
#### 2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác....

#### 2.2.3.4 Quy trình hạch toán.



Ghi chú



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ.

Sơ đồ 2.5 : Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

**Cách tính trị giá hàng xuất kho :**

• Giấy offset GI-O1

Ngày 05/12/2018, công ty bán cho Công ty CP đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng 100 hộp giấy offset với đơn giá 159.120 đ/hộp ( chưa bao gồm thuế VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt. Kế toán xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho.

Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước, Công ty tính giá xuất kho như sau :

Tồn đầu kỳ : 200 hộp                                  Đơn giá : 78.800 đ/kg

Ngày 03/12/2018, nhập 2.000 hộp      Đơn giá : 80.150 đ/kg

⇒ Trị giá xuất ngày 05/12/2018 giấy offset GI-O1 là :  
 $= 200 \times 78.800 + 800 \times 80.150 = 79.880.000 \text{ đ}$

Định khoản :

Nợ TK 632 : 79.880.000 đ

Có TK 156 : 79.880.000 đ

• Giấy in cỡ lớn GI-B4 :

Ngày 14/12/2018, công ty bán cho Công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh 11.691 kg giấy in cỡ lớn, giá bán chưa thuế 10% là 14.139 đ/kg, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho.

Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước, Công ty tính giá xuất kho như sau :

Tồn đầu kỳ : 3.058 kg                                  Đơn giá : 9.800 đ/kg

Ngày 03/12/2018, nhập 10.000 kg      Đơn giá : 10.150 đ/kg

⇒ Trị giá xuất ngày 14/12/2018 giấy in cỡ lớn GI-B4 là :  
 $= 3.058 \times 9.800 + 8.633 \times 10.150 = 117.593.350 \text{ đ}$

Định khoản :

Nợ TK 632 : 117.593.350 đ

Có TK 156 : 117.593.350 đ

Căn cứ vào Phiếu xuất kho. Kế toán ghi sổ nhật ký chung từ nhật ký chung vào sổ cái 156, sổ cái 632

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.10** : Phiếu xuất kho 000511 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc )

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.  
Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, HP

**Mẫu số 02 - VT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của  
Bộ Tài chính)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12..năm 2018 Nợ ..632.....

Số:..XK000511... Có ..156.....

- Họ và tên người nhận hàng: Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng  
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng - Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa...Địa điểm : Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng(hộp)		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giấy offset	GI-O1	H	200 800	200 800	78.800 80.150	15.760.000 64.120.000
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>1000</b>	<b>1000</b>	<b>x</b>	<b>79.880.000</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....*Bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng.*

- Số chứng từ gốc kèm theo :.....

Ngày 05 tháng 12 năm 2018

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.11** : Phiếu xuất kho 000551 ( *Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc* )

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.  
Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, HP

**Mẫu số 02 - VT**  
(*Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 14 tháng 12..năm 2018 Nợ ..632.....

Số:..XK000551... Có ..156.....

- Họ và tên người nhận hàng: Công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh

- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa...Địa điểm : Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giấy in cỡ lớn	GI-B4	Kg	3.058 8.633	3.058 8.633	9.800 10.150	29.968.400 87.624.950
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>11.691</b>	<b>11.691</b>	<b>x</b>	<b>117.593.350</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....*Một trăm mười bảy triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng.*

- Số chứng từ gốc kèm theo : .....

Ngày 14 tháng 12 năm 2018

**Người lập phiếu**  
(*Ký, họ tên*)

**Người nhận hàng**  
(*Ký, họ tên*)

**Thủ kho**  
(*Ký, họ tên*)

**Kế toán trưởng**  
(*Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập*)  
(*Ký, họ tên*)

**Giám đốc**  
(*Ký, họ tên*)

**Biểu số 2.12:** Sổ nhật ký chung. ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc )

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc  
Địa chỉ: Trung Hành, Đặng Lâm, Hải An ,HP

**Mẫu số:S03a-DNN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><u>SD ĐK</u></b>				
.....	.....	.....	.....	.....	...	.....
<b>PXK511</b>	<b>05/12</b>	<b>Giá vốn bán hàng giấy offset GI-O1</b>	<b>632</b>	<b>156</b>	<b>79.880.000</b>	<b>79.880.000</b>
PXK479	06/12	Giá vốn bán hàng camera gold tech 10MP	632	156	7.250.000	7.250.000
...	...	....	...	...	....	....
<b>PXK551</b>	<b>14/12</b>	<b>Giá vốn bán hàng giấy in cỡ lớn GI-B4</b>	<b>632</b>	<b>156</b>	<b>117.593.350</b>	<b>117.593.350</b>
PXK482	15/12	Giá vốn bán hàng CPU intel core I3	632	156	9.350.000	9.350.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b><u>156.251.464.832</u></b>	<b><u>156.251.464.832</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.13** : Sổ cái tài khoản 632 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc )

Đơn vị: Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

**Mẫu số S03b – DN**

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC

Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm,  
Hải An, HP

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
	....	....	.....	....	....	.....
<b>05/12</b>	<b>PXK511</b>	<b>05/12</b>	<b>Giấy offset GI-O1</b>	<b>156</b>	<b>79.880.000</b>	
06/12	PXK479	06/12	Camera gold tech 10MP	156	7.250.000	
08/12	PXK480	08/12	Ổ cứng SSD 500GB	156	28.878.470	
<b>14/12</b>	<b>PXK551</b>	<b>14/12</b>	<b>Giấy in cỡ lớn GI-B4</b>	<b>156</b>	<b>117.593.350</b>	
..	..	..	..	...	...	..
31/12	PKT0154	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		13.500.586.615
			<b><u>Cộng số phát sinh</u></b>		<b><u>13.500.586.615</u></b>	<b><u>13.500.586.615</u></b>
			<b><u>Cộng lũy kế từ đầu năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

#### **2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

Chi phí này phát sinh tại doanh nghiệp chủ yếu là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính...
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền internet, tiền điện thoại, tiền điện.....
- Chi phí bằng tiền khác : Chi phí tiếp khách....

##### 2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao....

##### 2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

TK 641 : Chi phí bán hàng

TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản liên quan : TK 111, 112, 131, ,133, 334.

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641, 642 và các sổ sách có liên quan....

##### 2.2.4.3 Trình tự hạch toán .

##### 2.2.3.4 Quy trình hạch toán.





**Biểu số 2.14** : HĐ GTGT số 0000182 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc )

<b>HOA ĐƠN</b>	Mẫu số : 01GTKT3/001				
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	Ký hiệu : AA/16P				
Liên 3: Nội bộ	<b>Số : 0000182</b>				
Ngày 03 tháng 12 năm 2018					
Đơn vị bán hàng : <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM TÂN VIỆT</b>					
Mã số thuế : 0201115201					
Địa chỉ : Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.					
Điện thoại : 0225.559076					
Số tài khoản : .....					
Họ tên người mua hàng : .....					
Tên đơn vị : Công ty cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc					
Mã số thuế : 0200657850					
Địa chỉ : Khu trung cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán : TM..... Số tài khoản : .....					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Bút bi TL08	Cái	40	2.200	88.000
2	Bút xóa TL034	Cái	20	15.000	300.000
3	Bút dạ quang TL HL03	Cái	10	18.000	180.000
4	Phiếu thu, chi 2 liên	Cuốn	12	20.000	240.000
5	Giấy A4	Tập	5	165.000	825.000
Cộng tiền hàng :					1.633.000
Thuế suất GTGT : 10%      Tiền thuế GTGT :					163.300
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.796.300
Số tiền viết bằng chữ : <i>Một triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng ./.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.15** : Phiếu chi 0000387 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc )

<b>Đơn vị:</b> Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc. Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng Phòng		<b>Mẫu số: 01 - TT</b> (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)		
<b>PHIẾU CHI</b> Ngày 03 tháng 12 năm 2018.		Quyền số: ...2..... Số: ... <b>590</b> ..... Nợ : 641,133 Có : 111		
Họ và tên người nộp tiền: ..... Nguyễn Thanh Huyền Địa chỉ: ..... : Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng Lý do nộp: ...Trả tiền hàng theo HĐ <b>0000182</b> ..... Số tiền: .....1.796.300 đ..... (Viết bằng chữ): ..... <i>Một triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng</i> /..... Kèm theo: .....HĐ 2977018...				
<i>Ngày 04 tháng 12 năm 2018</i>				
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... <i>Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng</i> .....				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): ..... + Số tiền quy đổi : .....				

**Biểu số 2.16:** Sổ nhật ký chung. ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc )

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc  
Địa chỉ: Trung Hành, Đặng Lâm, Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số: S03a-DNN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><u>SD ĐK</u></b>				
.....	.....	.....	.....	.....	...	.....
<b>PC590</b>	<b>03/12</b>	<b>Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận bán hàng.</b>	<b>641 133</b>	<b>1111</b>	<b>1.633.000 163.300</b>	<b>1.796.300</b>
PC592	04/12	Chi tiền mặt vận chuyển hàng hóa đem bán	641 133	1111	1.000.000 100.000	1.100.000
.....	....	....	...	....	....	.....
PXK479	09/12	Xuất tặng 10 máy in hóa đơn xprinter XP-58U cho khách hàng.	641	156 3331	5.676.000	5.160.000 516.000
<b>NVK00 0158</b>	<b>10/12</b>	<b>Trích lương phải trả cho nhân viên bán hàng tháng 12/2018</b>	<b>641</b>	<b>334</b>	<b>15.574.871</b>	<b>15.574.871</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b><u>156.251.464.832</u></b>	<b><u>156.251.464.832</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.17** : Trích số cái tài khoản 641 ( *Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc* )

Đơn vị: Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

**Mẫu số S03b – DN**

Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải an, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
	....	....	.....	....	....	.....
03/12	PC590	03/12	Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận bán hàng	1111	1.796.300	
04/12	PC592	04/12	Chi tiền mặt vận chuyển hàng hóa đem bán	1111	1.100.000	
....	...	...	....	....	...	...
09/12	PXK479	09/12	Xuất tặng 10 máy in hóa đơn xprinter XP-58U cho khách hàng.	156 3331	5.160.000 516.000	
10/12	NVK00158	10/12	Trích lương phải trả cho nhân viên văn phòng tháng 11/2018	334	15.574.871	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT000139	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		800.154.784
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>800.157.784</b>	<b>800.157.784</b>
			<b>Công lũy kể từ đầu năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ví dụ 5** : Ngày 04/12/2018 , công ty thanh toán cước tiền mạng internet tháng 11/2018 : 1.138.340 đ ( bao gồm cả thuế)

Định khoản :

Nợ TK 642 : 1.062.127


Nợ TK 133 : 106.213

Có TK 111 : 1.138.340

Căn cứ vào HĐ3005768 ( **Biểu số 2.13**) Kế toán lập phiếu chi số 587 ( **Biểu số 2.14**) Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung ( **Biểu số 2.17**). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 632 ( **Biểu số 2.18**)

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.18:** Hóa đơn GTGT 3005768 ( *Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc* )

		<b>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b> TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)		Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu (Serial No): AD/18E Số (No): <b>2977018</b> <b>16092612112018</b>	
Mã số thuế: 0200287977-022 Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc Địa chỉ (Address): Khu trung cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng Số điện thoại (Tel): 913245941 Mã số (code): HPG-16-092612 (T5DG4) Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK MST: 0200657850					
STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4*5
	<b>Kỳ cước tháng: 11/2018</b> a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				1.062.127 0 0 0 0
( a + b + c + d ) <b>Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):</b>					<b>1.062.127</b>
<b>Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%<math>\times</math>(1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):</b>					<b>106.213</b>
<b>( 1 + 2 + e ) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1 + 2):</b>					<b>1.138.340</b>
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng					
Người nộp tiền ký (Signature of payer)			Ngày 08 tháng 12 năm 2018 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)		

**Biểu số 2.19** : Phiếu chi 0000387 ( *Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc* )

<p><b>Đơn vị:</b> Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.                  Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đặng Lâm, Hải An, Hải Phòng                  Phòng</p>	<p><b>Mẫu số: 01 - TT</b>                  (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</p>			
<p><b>PHIẾU CHI</b>  <i>Ngày 04 tháng 12 năm 2018.</i></p>				
<p>Họ và tên người nộp tiền: ..... Nguyễn Thanh Huyền                  Địa chỉ: ..... : Trung Hành, Đặng Lâm, Hải An, Hải Phòng                  Lý do nộp: ...Trả tiền hàng theo HĐ 2977018.....                  Số tiền: .....1.138.340 đ.....                  (Viết bằng chữ): .....Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng /.....                  Kèm theo: .....HĐ 2977018...</p>				
<p><i>Ngày 04 tháng 12 năm 2018</i></p>				
<p><b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)</p>
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): .....Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.</p>				
<p>+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....</p> <p>+ Số tiền quy đổi : .....</p>				



**Ví dụ 7** : Ngày 29/12/2018, công ty thanh toán chi phí tiếp khách cho Công ty cổ phần du lịch Hải Đăng

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000423 ( **Biểu số 2.19**) Kế toán lập phiếu chi ( **Biểu số 2.20**).Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung ( **Biểu số 2.21**).

Định khoản :

Nợ TK 642 : 5.870.000 đ

Nợ TK 133 : 587.000 đ

Có TK 111 : 6.457.000 đ

Biểu số 2.20 : Hóa đơn GTGT số 0000583

<b>HOA ĐƠN</b>					
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				Mẫu số : 01GTKT3/001	
Liên 3: Giao cho khách hàng				Ký hiệu : AA/16P	
Ngày 29 tháng 12 năm 2018				Số : <b>0000423</b>	
Đơn vị bán hàng : <b>CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KHÁCH SẠN HẢI ĐĂNG</b>					
Mã số thuế : 0106339755					
Địa chỉ : Số 1 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Điện thoại : 0225.3831555					
Số tài khoản : .....					
Họ tên người mua hàng : .....					
Tên đơn vị : Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc					
Mã số thuế : 0200657850					
Địa chỉ : Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An , Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : TM..... Số tài khoản : .....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Tiếp khách				5.870.000
Cộng tiền hàng :					5.870.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			587.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					6.457.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng ./.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

**Biểu số 2.21** : Phiếu chi 0000596 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc )

<b>Đơn vị:</b> Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc. Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đặng Lâm, Hải An, Hải Phòng		<b>Mẫu số: 01 - TT</b> (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)		
		Quyền số: ...2..... Số: ... <b>596</b> ..... Nợ : 642,133 Có : 111		
<h2 style="margin: 0;">PHIẾU CHI</h2> <p style="margin: 0;">Ngày 29 tháng 12 năm 2018.</p>				
Họ và tên người nộp tiền: ..... Nguyễn Thị Trâm Anh Địa chỉ: ..... : Phòng kế toán Lý do nộp: ...Trả tiền hàng theo HĐ 0000423..... Số tiền: .....6.457.000 đ..... (Viết bằng chữ): .....Sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng /..... Kèm theo: .....HĐ 0000423				
<i>Ngày 29 tháng 12 năm 2018</i>				
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... Sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): ..... + Số tiền quy đổi : .....				

**Biểu số 2.22: Sổ nhật ký chung.**

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiên Quốc  
Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng (Ban hành theo TT  
200/2014/QĐ-BTC

Mẫu số: S03a-DNN

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><u>SD ĐK</u></b>				
.....	.....	.....	.....	.....	...	.....
PC587	04/12	Thanh toán tiền mạng Internet VNPT tháng 11/2018	642 133	1111	1.062.127 106.213	1.138.340
.....	....	....	...	....	....	.....
NVK00 0158	10/12	Trích lương phải trả cho nhân viên văn phòng tháng 3/2018	642	334	18.574.871	
PC590	12/12	Đổ 11.65 L xăng RON95 cho xe toyota 4 chỗ	642 133	1111	2.487.000 248.700	2.735.700
...	...	...	..	..	..	..
PC596	29/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 133	1111	5.870.000 587.000	6.457.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b><u>156.251.464.832</u></b>	<b><u>156.251.464.832</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.23** : Trích số cái tài khoản 642

Đơn vị: Công ty CP Điện tử viễn thông Kiên

Quốc

Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm,

Hải an, Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DN**

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
	....	....	.....	....	....	.....
<b>04/12</b>	<b>PC587</b>	<b>04/12</b>	<b>Thanh toán tiền mạng Internet tháng 11/2018</b>	<b>1111</b>	<b>1.062.127</b>	
10/12	NVK00158	10/12	Trích lương phải trả cho nhân viên văn phòng tháng 11/2018	334	18.574.871	
12/12	PC590	12/12	Đổ xăng RON 95	1111	2.487.000	
...	...	...	...	..	...	...
<b>29/12</b>	<b>PC596</b>	<b>29/12</b>	<b>Thanh toán chi phí tiếp khách</b>	<b>1111</b>	<b>5.870.000</b>	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT000139	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1.004.251.096
			<b><u>Cộng số phát sinh</u></b>		<b><u>1.004.251.096</u></b>	<b><u>1.004.251.096</u></b>
			<b><u>Công lũy kể từ đầu năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

### **2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lợi nhuận hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác : cục thuế, ngân hàng.... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc bao gồm :

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác
- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty được xác định trong niên độ tài chính là một năm từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên Báo cáo tài chính.

#### **2.2.5.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

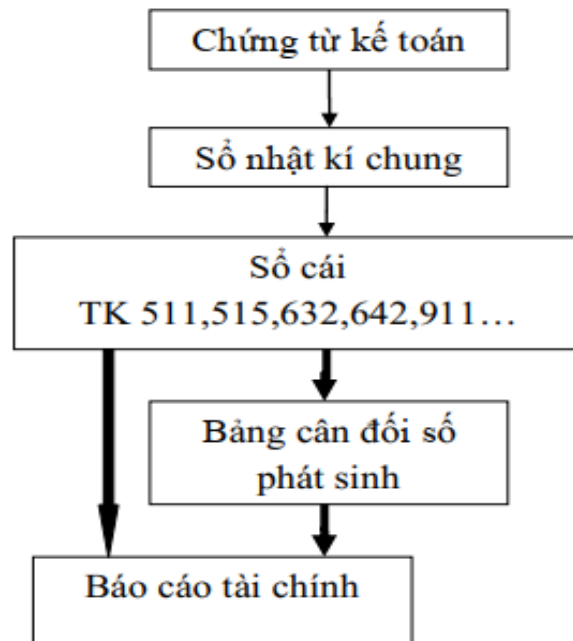
#### **2.2.5.2 Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, 421, 511, 515, 632, 642, 821.

#### **2.2.5.3 Tài khoản sử dụng**

- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan : TK 511, 515, 632, 642, 821.

#### **2.2.5.4 Quy trình hạch toán**



Ghi chú                       $\longrightarrow$                       Ghi hàng ngày  
     $\longrightarrow$                       Ghi cuối tháng hoặc định kỳ.

#### Trình tự hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản : TK 911, 821, 421 .Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Ví dụ 6 :** Ngày 31/12/2018 : các bút toán kết chuyển cuối năm 2018 và xác định kết quả kinh doanh.

**Biểu số 2.24:** Phiếu kế toán 00138 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc  
 Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng  
 MST : 0200657850

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
 Số : 138  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	15.878.744.624
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	16.758.148
	Cộng			<b>15.895.502.772</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Biểu số 2.25:** Phiếu kế toán 00139 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc  
 Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng.  
 MST : 0200657850

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
 Số : 139  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	13.500.586.615
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	800.157.784
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.004.251.096
	Cộng			<b>15.304.995.495</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)



**Biểu số 2.26:** Phiếu kế toán 00140 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng.

MST : 0200657850

## PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 140

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	118.101.455
	Cộng			<b>118.101.455</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Biểu số 2.27:** Phiếu kế toán 00140 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng.

MST : 0200657850

## PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 141

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	911	821	118.101.455
	Cộng			<b>118.101.455</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Biểu số 2.28:** Phiếu kế toán 00142 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng.

MST : 0200657850

## PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 142

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	911	421	472.405.822
	Cộng			<b>472.405.822</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 2.29** : Sổ nhật ký chung ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

Mẫu số:S03a-DNN

Địa chỉ:Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng (Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><u>SD ĐK</u></b>				
.....	.....	.....	.....	.....	...	.....
PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính	511 515	911	15.878.744.624 16.758.148	15.880.502.772
PKT139	31/12	Kết chuyển giá vốn bán hàng, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.	911	632 641 642	15.304.995.495	13.500.586.615 800.157.784 1.704.251.096
PKT140	31/12	Chi phí thuế TNDN	821	3334	118.101.455	118.101.455
PKT141	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	911	821	118.101.455	118.101.455
PKT142	31/12	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	421	472.405.822	472.405.822
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>156.251.464.832</b>	<b>156.251.464.832</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.30** : Trích số cái tài khoản 911

Đơn vị: Công ty CP Điện tử viễn thông Kiên Quốc  
 Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An,  
 Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DN**  
 (Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Năm 2018**

**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
31/12	PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5111		15.878.744.624
31/12	PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		16.758.148
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	13.500.586.615	
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	800.157.784	
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	1.004.251.096	
31/12	PKT141	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	118.101.455	
31/12	PKT142	31/12	Kết chuyển lãi	421	472.405.455	
			<b><u>Cộng số phát sinh</u></b>		<b><u>15.895.502.772</u></b>	<b><u>15.895.502.772</u></b>
			<b><u>Công lũy kể từ đầu năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.31 : Sổ cái 821**

Đơn vị: Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc  
 Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đặng Lâm, Hải  
 An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DN**  
 (Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày  
 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Năm 2018**  
**Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT140	31/12	Chi phí thuế TNDN phải nộp	3334	118.101.455	
31/12	PKT141	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911		118.101.455
			<b><u>Cộng số phát sinh</u></b>		<b><u>118.101.455</u></b>	<b><u>118.101.455</u></b>
			<b><u>Cộng lũy kế từ đầu năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.32** : Trích sổ cái 421 ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc).

Đơn vị: Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DN**

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			<b><u>309.992.314</u></b>
..	...	..	....	...	...	...
<b>31/12</b>	<b>PKT142</b>	<b>31/12</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>911</b>		<b>472.405.822</b>
			<b><u>Cộng số phát sinh</u></b>		<b>295.154.447</b>	<b>472.405.822</b>
			<b><u>Cộng lũy kế từ đầu năm</u></b>			<b>487.243.689</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.33** : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị : Công ty CP Điện tử viễn thông Kiến Quốc

Mẫu số : B02 -DN

Địa chỉ :Khu dân cư Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng  
MST : 0200657850

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	MÃ	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		<b>15.848.744.624</b>	<b>11.955.678.124</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>15.848.744.624</b>	<b>11.955.678.124</b>
4.Giá vốn hàng bán	11		<b>13.500.586.615</b>	<b>10.053.867.356</b>
<b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.</b>	<b>20</b>		<b>590.507.277</b>	<b>1.901.810.768</b>
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		<b>16.758.148</b>	<b>46.450</b>
7.Chi phí tài chính	22		<b>0</b>	<b>0</b>
-Trong đó : Chi phí lãi vay.	23			
8. Chi phí bán hàng	25		<b>800.157.784</b>	<b>613.878.940</b>
9.Chi phí quản lý kinh doanh	26		<b>1.004.251.096</b>	<b>900.487.885</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>590.507.277</b>	<b>387.490.393</b>
11.Thu nhập khác	31			
12.Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	<b>40</b>			
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>590.507.277</b>	<b>387.490.393</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		<b>118.101.455</b>	<b>77.498.079</b>
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>			
<b>17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)</b>	<b>60</b>		<b>472.405.822</b>	<b>309.992.314</b>
<b>18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>			
<b>19.Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>71</b>			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC.

### 3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc.

#### 3.1.1 Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành quan trọng trong công tác kế toán của mỗi công ty.

Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận và thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho các ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Qua thời gian thực tập tại công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được được những kết quả sau đây :

❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán :

- + Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
- + Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng , nhanh chóng

❖ Về việc hệ thống sổ sách, chứng từ

- + Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

**Đối với hạch toán doanh thu :** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.



**Đối với hạch toán chi phí** : Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời phát sinh.

**Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh** : Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời.

### **3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc vẫn còn những tồn tại một số hạn chế.

Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Khai Khoáng Việt Nam mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc.**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác , tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao, Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch to

### **3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần viễn thông Kiến Quốc.**

#### **3.4.1. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng.**

Để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi ( chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- ✓ Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của công ty cùng ngành.
- ✓ Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại :

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

### ***Phương pháp hạch toán***

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại  
 Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:  
 Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)  
 Để chào mừng năm mới Công ty Cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc đang có chương trình khuyến mại trong quý 1 từ 1/1/2018-31/3/2018

<b>Nội dung hưởng chiết khấu</b>	<b>Số % được hưởng</b>
<b>khách hàng <math>\geq 100</math> kg</b>	<b>0.5%</b>
<b>khách hàng <math>\geq 300</math> kg</b>	<b>1%</b>

**Ví dụ 1** : Ngày 17/12/2018 bán hàng cho Công ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông HD0000175 số tiền 100.000.000 đồng (chưa thuế).

Công ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông mua 200 kg giấy in khổ ngang vì vậy công ty cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc khi viết hóa đơn xuất bán ngày 17/12 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 0,5%

Tổng số tiền chiết khấu là:  $200 \times 500.000 \times 0.5\% = 5.000.000$  đ (Chưa thuế)

### **Kế toán định khoản :**

+ Ghi nhận doanh thu :

Nợ TK 112 : 110.000.000

Có TK 511 : 100.000.000

Có TK 3331 : 10.000.000

+ Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211 : 5.000.000

Nợ TK 3331 : 500.000

Có TK 111 : 5.500.000

**HOA ĐƠN****GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 17 tháng 12 năm 2018

Mẫu số : 01GTKT3/001

Ký hiệu : AA/16P

Số : **0000558**Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG KIẾN QUỐC**

Mã số thuế : 0200657850

Địa chỉ : Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại : 0225.3559160

Số tài khoản : .....

Họ tên người mua hàng : .....

Tên đơn vị : Công ty TNHH Giấy gỗ Hà Đông

Mã số thuế : 0102147298

Địa chỉ : Số 112 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, HP.

Hình thức thanh toán : CK..... Số tài khoản : .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Giấy in khổ ngang	Cuộn	125	800.000	100.000.000
Cộng tiền hàng :					100.000.000
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT : 10.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					110.000.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Một trăm mười triệu đồng chẵn</i>					

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Biểu số 3.2** : Phiếu thu 0000229 ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Kiến Quốc* )

<p><b>Đơn vị:</b> Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc</p> <p><b>Địa chỉ:</b> Khu dân cư Trung Hành, Đàng Lâm, Hải An, Hải Phòng</p>	<p><b>Mẫu số: 02 - TT</b></p> <p>(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</p>			
<p><b>PHIẾU CHI</b></p> <p><i>Ngày 17 tháng 12 năm 2018.</i></p>				
<p>Họ và tên người nộp tiền: ..... Trần Ngọc Anh</p> <p>Địa chỉ: Công ty TNHH Giấy gỗ Hà Đông</p> <p>Lý do nộp: Chiết khấu thanh toán cho công ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông.....</p> <p>Số tiền: ..5.500.000 đ.....</p> <p>(Viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm nghìn đồng/.....</p> <p>Kèm theo: .....HĐ0000558...</p>				
<p><i>Ngày 17 tháng 12 năm 2018</i></p>				
<p><b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)</p>
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... Năm triệu năm trăm nghìn đồng</p>				
<p>+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....</p>				

### 3.4.2. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.

➤ *Lý do kiến nghị:* Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn.

Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có.

Giá bán của phần mềm MISA SME.NET 2018 gói Enterprise với đầy đủ 16 phân hệ ( Quỹ, Thủ Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, thủ kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp) hiện nay là : 13.000.000 đồng

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán :



Số nhật ký bán hàng

Chọn tham số...

**SỐ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**  
Chi nhánh: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC-DEF; Tháng 01 năm 2016

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	Tổng	Doanh thu hàng bán	Doanh thu hàng phẩm	Doanh thu dịch vụ	Doanh thu khác	Chiết khấu	Giá trị trả lại	Giá trị giảm giá	Doanh thu thuần	Tên khách hàng	
13/01/2016	13/01/2016	NTTK00002	13/01/2016	0000001	Thu tiền bán hàng	✓	0	0	0	0	0	0	0	33.470.000	Cửa hàng Minh Ti	
15/01/2016	15/01/2016	NTTK00003	15/01/2016	0000003	Thu tiền bán hàng	✓	0	0	0	3.447.000	0	0	0	111.453.000	Bệnh viện Đa khoa	
16/01/2016	16/01/2016	BH00001	17/01/2016	0000004	Bán hàng Bệnh v	✓	0	0	0	583.500	0	0	0	18.866.500	Bệnh viện Bãi Ch	
17/01/2016	17/01/2016	BH00002	17/01/2016	0000005	Bán hàng Bệnh v	✓	0	0	0	2.056.500	0	0	0	66.493.500	Bệnh Viện Đa Khoa	
17/01/2016	17/01/2016	BH00003	17/01/2016	0000006	Bán hàng Khoa d	✓	0	0	0	1.770.000	0	0	0	57.230.000	Khoa được Bệnh v	
17/01/2016	17/01/2016	BH00004	17/01/2016	0000008	Bán hàng Trạm	✓	0	0	0	612.000	0	0	0	5.508.000	Trạm Y tế Phúc X	
17/01/2016	17/01/2016	PT00001	17/01/2016	0000007	Thu tiền bán hàng	✓	0	0	0	1.558.000	0	0	0	14.022.000	Cửa hàng Minh N	
18/01/2016	18/01/2016	PT00002	18/01/2016	0000010	Thu tiền bán hàng	✓	0	0	0	77.500	0	0	0	1.472.500	Công ty TNHH Ph	
19/01/2016	19/01/2016	NTTK00005	19/01/2016	0000011	Thu tiền bán hàng	✓	0	0	0	0	0	0	0	15.960.000	Công ty TNHH Sa	
20/01/2016	20/01/2016	BTL00001	20/01/2016		Trả lại hàng bị h	✓	0	0	0	0	(15.000)	3.700.000	0	(3.685.000)	Khoa được Bệnh v	
21/01/2016	21/01/2016	NTTK00006	21/01/2016	0000012	Thu tiền bán hàng	✓	0	0	0	0	0	0	0	14.550.000	Đại lý Gia Phú	
21/01/2016	21/01/2016	NTTK00007	21/01/2016	0000013	Thu tiền bán hàng	✓	0	0	0	0	0	0	0	13.470.000	Đại lý Gia Hưng	
22/01/2016	22/01/2016	BH00005	22/01/2016	0000014	Bán hàng Công t	✓	0	0	0	0	0	0	0	3.700.000	Công ty TNHH Ph	
						...										
						Sửa mẫu										
Số dòng = 13							366.300.000	366.300.000	0	0	0	10.089.500	3.700.000	0	352.510.500	

Nhấn chuột phải vào tiêu đề cột, nhấn Sửa mẫu

### **3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần viễn thông Kiến Quốc.**

#### **3.5.1. Về phía Nhà nước**

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

#### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp**

+Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

+Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Qua thời gian quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc tại Hải Phòng, cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc” để làm đề tài khóa luận. Đề tài đã được giải quyết 1 vấn đề sau :

✓ Về mặt lý luận : Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

✓ Về mặt thực tiễn : Mô tả và phân tích thực công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 9 năm 2018 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

### 2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Kiến Quốc.

✓ Giải pháp thứ nhất : Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán.

✓ Giải pháp thứ hai : Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

✓ Giải pháp thứ ba : Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Với sự cố gắng của bản thân cùng sự hướng dẫn của cô Nguyễn Thị Thúy Hồng và sự chỉ bảo, giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán – tài chính. Công ty CP điện tử viễn thông Kiến Quốc để em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này. Mặc dù đã có cố gắng nhưng do trải nghiệm thực tế và kiến thức chuyên môn còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em mong rằng sẽ nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ từ các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

*Hải Phòng, ngày..... tháng ..... năm 2019*

**Sinh viên thực tập**